

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

NGUYỆT-SAN



SỐ 14 RA NGÀY 15 THÁNG 9 ĐINH-DẬU



TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM XUẤT-BẢN

PHẬT-GIÁO

VIỆT - NAM

MỤC LỤC SỐ 14

RA NGÀY RẼM THÁNG CHÍN ĐINH-DẬU

GIẢI PHÓNG TÂM LINH	P. G. V. N.
CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT	THẠC-ĐỨC
VẤN ĐỀ GIÁO DỤC	MINH-HẠNH
CHIẾC ÁO	TÂM-QUÁN
KHẢO CỨU VỀ THIỀN HỌC	TUỆ-UYỀN
KHÔNG BẾN HẠN	HUYỀN-KHÔNG
VĂN-HỌC PHẬT-GIÁO	THẠC-ĐỨC
ĐỨC PHẬT THÍCH-CA	NG. THIÊN LÂU
PHƯƠNG-PHÁP PHẬT-HỌC	TUỆ-UYỀN
BẢN BÁO-CÁO CỦA NHÀ KHOA-HỌC	TRÍ-ĐỨC
SUỐI TỪ (Kịch)	VÓ ĐÌNH CƯỜNG





GIẢI PHÓNG TÂM-LINH

Sự giải-phóng xã-hội và sự giải-phóng nội-tâm không bao giờ rời nhau. Một xã-hội chỉ có thể giải-phóng thực-sự khi nhân tâm đã được giải-phóng thực-sự. Bốn ngàn năm văn-hiến chỉ là bốn ngàn năm của quá khứ. Chúng ta đừng hãnh-diện quá với bốn ngàn năm văn-hiến ấy, trong lúc hồn Việt-Nam đang còn bị kìm hãm dưới những lễ thói cứng đọng và nặng nề của lương tâm. Ngày xưa dưới thời Lý, Trần, đã có lúc hồn Việt-Nam vươn lên cao rộng, bởi vì người dân Việt-Nam thời đó đã thực-hiện được sự giải-phóng tâm hồn. Họ đã sống với một tâm trạng tự-do hoàn toàn cởi mở.

Hồn Việt-Nam đang cố vẫy vùng để vươn lên cao rộng, người Việt-Nam hiện thời đã trải qua bao nhiêu khổ nhục nhưng vẫn chưa thành công. Chỉ bởi vì nhân tâm còn bị cứng đọng trong những lễ thói nặng nề. Chỉ vì tất cả mọi người dân chưa nhận được rằng sự giải-phóng nhân tâm là gốc nguồn cho sự giải-phóng xã-hội.

Muốn thực-hiện cuộc giải-phóng kia, trước hết chúng ta phải đem hết can-đảm và thành thực để nhìn thẳng vào những lỗi lầm của chúng



ta. Rồi chính nhờ sự nhận xét sáng suốt ấy mà chúng ta có thể chán ghét đến cùng cực những tệ-đoan kia, đề rồi quyết-định phải trừ diệt chúng. Chúng ta phải đánh thức lương tâm của chúng ta dậy : phải hồ thẹn mà nhận thấy rằng đời sống của chúng ta có nhiều khía cạnh mà chúng ta không dám công nhiên trình bày ra đề cho người khác nhận xét. Đó là những khía cạnh lỗi lầm xấu-xa của chúng ta mà chúng ta thường cố-gắng che lấp ần dấp dưới những danh từ và sau những lý-luận.

Thực-hiện được như thế là chúng ta mở trối cho tự-tâm và cho hồn dân-tộc. Hồn Việt của thời Lý Trần sẽ sống dậy và lúc bấy giờ những bài mà ta học của tây-phương về phương-pháp tổ chức nếp sống khoa-học sẽ chỉ có mặt lợi ích của nó mà không còn tai hại đối với chúng ta.

Tự-do xã-hội sẽ thực hiện khi ta thực-hiện tự do nhân-tâm. Tinh-thần Việt-Nam đã có lúc rõ ràng cao siêu như tinh thần thời Lý : với tinh thần ấy không có gì là không làm được. Hãy làm sống dậy tinh thần siêu việt đó, đề tổ chức lại sinh hoạt kinh-tế và xã-hội tự-do. Rồi với tinh thần siêu việt đó, hơn ai hết, người Việt-Nam có thể nói cho thế-giới biết rằng đời sống bao giờ cũng tùy thuộc ở một nếp sống tâm-linh và người ta chỉ thực-hiện được sự giải-phóng xã-hội sau khi đã giải-phóng được cho tâm-linh ấy.

P. G.
V. N.

PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Con Đường GIẢI - THOÁT

Thạc - Đức

« **N**ƯỚC trong bốn biển chỉ có một vị là vị mặn, cũng như thế, giáo-lý của ta chỉ có một vị là vị giải-thoát ». Câu nói ấy của đức Bồn-sư, đã xác nhận rằng mục đích duy nhất của đạo Phật là đưa chúng sanh đến chỗ giải-thoát giác-ngộ. Như vậy thì tất cả các Phật-tử, dù xuất-gia hay tại-gia, cũng đều phải hướng về mục-đích giải-thoát ấy cả.

Nhưng nói đến giải-thoát tức là nói đến một sự cởi mở, thoát-ly. Mà chỉ khi nào người ta cảm thấy bị ràng buộc, tù túng, người ta mới nghĩ đến sự cởi mở, thoát ly, nói tóm lại mới nghĩ đến việc giải-thoát.



Vậy thì ở đây, con người cái gì ràng buộc, câu thúc ?

« Tất cả các chúng sinh vì vô-minh che lấp mất chân-tánh, bị dục vọng phiền não sai khiến, tạo ra muôn ngàn nghiệp-ác vì ô mà phải trôi nổi trong biển khổ luân-hồi »

Đi từ quả đến nhân, ta thấy : Biển khổ sanh tử luân hồi — nghiệp ác — dục vọng phiền não — lấp mất chân tánh — vô minh. Do vô minh mà chân tánh bị mờ ám, chân tánh

mờ ám cho nên sinh ra dục vọng phiền não (1), dục vọng tạo ra nghiệp ác, và nghiệp-ác đưa đến kết-quả khổ đau luân hồi. Giải-thoát nghĩa là phá tan được dòng nhân quả liên-tục ấy.

Nhưng, muốn được giải-thoát, trước hết, người ta phải nhận thấy rằng mình đang bị ràng buộc. Biết bao nhiêu kẻ đang sống trong sự ràng buộc mà không hề biết rằng mình bị buộc ràng, cho nên không hề nghĩ đến sự giải-thoát. Vì thế, muốn cho họ có ý tưởng giải-thoát, phải tìm cách làm cho họ nhận thấy rằng họ đang bị ràng buộc đã.

Phương pháp của đạo Phật là làm cho con người có ý thức rõ ràng về cuộc đời mà mình đang sống : một cuộc đời khổ đau. Con người không thể an-vui được trong cuộc đời khổ đau : phải tìm cách thoát-ly cuộc đời ấy. Nhưng đây xích nào đã ràng buộc con người vào cuộc đời khổ đau ? Đó chính

(1) Phiền não ở đây không có nghĩa là buồn phiền ưu não mà có nghĩa là những dây rết của các tâm niệm đen tối tồn tại trong tiềm thức.

là dục vọng, là phiền não, là cá nghiệp, là vô minh. Phá tan những xiềng xích này thì có thể tìm đến một chân trời tự-do, không còn bị khổ đau bức-tức.

Vậy con đường Giải-thoát bắt đầu bằng một nhận-hức: nhận-thức cuộc đời là khổ. Đó là chân-lý thứ nhất trong Tứ-diệu-đế. Biết bao nhiêu người đã nhờ ý thức sâu xa chân-lý ấy mà được giải-thoát. Càng cảm thấy đời là khổ đau bao nhiêu, người ta càng mạnh mẽ bước lên đường giải-thoát bấy nhiêu. Khổ đau ở đây là một thứ thuốc đắng, thật đắng, nhưng đã là một thứ thần-dược giúp người mau thoát được bệnh não-phiền.

Nhưng "khổ đau", ở đây không những chỉ có nghĩa là những cảm-giác đớn đau mà thôi. Tiếng khổ (dukkha) của đạo Phật còn có nghĩa là vô ngã, bất-tịnh, vô thường và u tối nữa.

Sống, nhưng ta có thể thắc-mắc rất nhiều về tự thân chúng ta. Bản ngã chúng ta là một cái gì mà chính ta cũng không thể nhận biết được. Đó là một cá thể sinh-lý (sắc) hay đó là những hiện tượng tâm-lý (thọ, tưởng, hành, thức) kết-hợp? Tại sao qua những hiện-tượng biến đổi vô thường lại có thể có một cái Ta đồng nhất bất biến? Phải chăng cái Ta ấy chỉ là một giả-danh, một đối-tượng của óc vọng-tưởng?

Sống, nhưng ta luôn luôn nhận thấy rằng tâm ta là nguồn gốc phát sinh bao nhiêu tư-tưởng bất thiện, tội lỗi: tham lam, giận dữ, si mê, thân ta là một khí-cụ để tạo bao nhiêu nghiệp ác: sát hại, trộm cắp, tà hạnh... Tâm cũng như thân, đều là những rừng tội (tâm thị ác nguyên, hình vi tội tâu: Kinh Bát-

đại-nhân-giác). Lắm lúc chúng ta lại tự chán ghét chính cả cái bản thân của chúng ta.

Sống, nhưng ta luôn luôn cảm thấy ta là nô-lệ. Nô-lệ cho dục-vọng. Nô-lệ cho cả cuộc đời do ác-nghiệp của chúng ta dựng nên. Chúng ta bị vây trong vòng nghiệp báo, bị đắm trong đêm tối của vô-minh.

Chúng ta có được sống trong hiện-tại đâu, có thấy gì thực hiện tại đâu, có vươn được tới hiện tại đâu? Hình thể của cuộc đời mà ta nhận thấy bằng giác-quan, đã là hình thể của một cuộc đời quá khứ mất rồi! Vạn vật luôn luôn chuyển biến vô thường. Ta chỉ sống được trong cái quá-khứ của cuộc sống chứ chưa bao giờ được sống trong cuộc sống ở hiện tại. Chúng ta cũng giống hệt như những người ngồi trên xe hơi, lưng quay về phía trước, và chỉ thấy được cảnh vật đã qua. Ban đêm, vũ-trụ đầy tinh-tú mà ta trông thấy đây chắc chắn không phải là vũ-trụ của hiện-tại. Bởi vì có hàng triệu ngôi sao đã tan vỡ từ bao nhiêu thế kỷ, mà hình dáng vẫn còn để cho ta trông thấy hôm nay. Và vũ-trụ tinh-tú của hôm nay, có lẽ đến bao nhiêu đời sau, cháu chắt ta mới trông thấy được!

Chưa bao giờ được sống trong cuộc sống, chưa bao giờ được sống với hiện tại! Khổ đau cho chúng ta đến chừng nào! Ta tưởng như bao nhiêu uất-ức dồn lên ta muốn phá tan bao nhiêu xiềng xích vô minh buộc ràng, đe vươn đến chân trời thực tại, sống tự do trong bản thân cuộc sống, thể nhập vào cuộc sống muôn đời.

Những khổ đau, những cảm-tưởng tù đày của cuộc sống ấy, làm



tiêu tán nơi ta những ước muốn thỏa mãn dục-lạc phờ-phình của cuộc đời và làm cho ta cương quyết tiến bước mạnh dạn trên đường tự giải phóng.

Chân lý « đời là khổ » phải gây nơi ta một bất mãn. Sự bất mãn ấy phải lên tới cực độ để có thể thực hiện trong tâm hồn ta một cuộc khủng hoảng màu nhiệm khiến ta chuyển hướng cuộc đời. Ta gạt bỏ tất cả những ước ao của cuộc đời tầm thường khổ não, ta lên đường đi tìm chân-lý và giải-thoát. Trong thế-giới chân-lý và tự do, ta sẽ được tự tại và an nhiên, thoát-ly bao nhiêu khổ đau thối mắc.

« Đời là khổ » vì thế đối với chúng ta là một vấn đề then chốt. Chân-lý này không được quan-niệm một cách quá thô sơ! Không nên hiểu chữ « khổ » này như là những « cảm-giác khổ thọ », mà phải hiểu với tất cả những nghĩa vô thường, vô ngã, bất tịnh, vô minh của nó.

Tuy nhiên, một đặc điểm của đạo Phật là giáo-lý cần khế-hợp với thời cơ. Chân-lý « đời là khổ » kia đối với hạng đại căn nếu là một thứ thuốc hay, thì đối với hạng yếu đuối lại là một thứ thuốc nguy-hiêm. Một bên nhờ nhận thấy cuộc đời là khổ mà có thể ra công diệt khổ để giải-thoát. Một bên vì nhận thấy cuộc đời là khổ mà càng thêm khổ đau, tay chân bủn rủn và rốt cuộc bị đắm chìm sâu thêm trong biển khổ. Cho nên với những người đại-căn có năng lực giải-thoát, đạo Phật mới khai thị cho họ chân-lý « đời là khổ » ấy. Một khi họ ý-thức được rằng họ đang sống trong « khổ đau », họ sẽ cương quyết diệt

khổ. Đạo-lý dành cho hạng người này là đạo-lý xuất thế (xuất thế pháp). Còn đối với những kẻ mà căn cơ yếu hèn, đạo Phật chủ-trương xây dựng cho họ một bản-lĩnh trước đã. Giáo lý của họ là giáo-lý nhập thế (nhập-thế-pháp) của nhân-thừa và thiên-thừa. Không cần đạt mục đích giải-thoát cho họ ngay trong hiện tại. Bởi vì nếu đặt vấn đề ngay bây giờ, họ sẽ chán nản, khiếp sợ, vì càng ý-thức về cái khổ bao nhiêu, họ càng cảm thấy đau khổ thêm bấy nhiêu. Mục đích mà họ nhắm đến thì gần với họ hơn mục đích giải thoát nhiều. Họ sẽ đi từng chặng đường, và chỉ khi nào đủ sức, họ mới được nhắm vào mục đích tối hậu là mục đích giải-thoát. Những mục đích gần kia, tuy không hẳn đã là mục đích cuối cùng, nhưng là những phương tiện để đưa dần đến mục đích cuối cùng. Qua giáo-lý phương tiện, ta có thể nhìn thấy giáo lý cứu-cánh, và qua năm thừa của đạo Phật, ta có thể thấy được một Phật-thừa duy nhất. (Kinh Pháp-Hoa) Vì lẽ ấy cho nên đức Phật dạy rằng giáo-lý của ngài chỉ có một vị là vị giải-thoát.

Chân-lý « đời là khổ » chính là giáo-lý xuất-thế, dành cho các bậc xuất trần thượng-sĩ; đại-đa-số quần chúng vì căn-cơ yếu đuối, không thể đủ sức thi hành. Họ phải nương theo giáo-lý nhân-thiên-thừa, đặt những mục đích gần hơn để cho khỏi chới, khỏi ngợp và ít nản lòng. Giáo-lý nhập thế không bắt-buộc con người phải nhìn đời với tất cả những sự thật khổ đau của nó, để rồi chán nản với khổ đau thêm. Nhà văn Lê-văn-Siêu đã không nhận được tinh-thần thiệp-thế

phương-tiện ấy của đạo Phật khi ông nói « Đối với quảng đại quần chúng, công dụng của tư-tưởng và giáo-lý ấy (đời là khổ) lại là thúc đẩy thêm ý thức về những đau khổ của cuộc sống mà mình đương quần quai chịu đựng », (Văn-nghệ tập-san, số Xuân 1956, trang 11).

Người ta thường bảo đạo Phật chủ trương chán đời. Đúng. Bởi vì còn ham mê cuộc đời lăn lộn theo bao nhiêu dục vọng của nó thì làm sao mà giải thoát khổ đau cho được. Có chán đời đến triệt-đề thì mới nghĩ đến sự giải-thoát. Chán ở đây là chán một lối sống (sống theo dục vọng vô minh) và cũng là tìm một lối sống khác (sống theo tình thương và chân-lý). Cho nên giải thoát khác với thoát ly. Cuộc sống của mình từ bất tịnh trở thành thanh tịnh, từ khổ đau trở thành an-lạc đó là giải-thoát.

Cái chán của đạo Phật là một thứ chán lành mạnh, bởi vì đối tượng của cái chán ấy là dục vọng. Chán

mà không nãn ; Cái chán ở đời trái lại là cái chán bệnh tật một thứ chán nãn chủ trương buông xuôi hai tay. Những ai « chê » đạo Phật là chán đời hãy thử tập « chán » cái chán của đạo Phật trong đây lát xem có được không. Sợ là không, bởi vì lực lượng dục vọng nơi những kẻ kia không phải là nhỏ ; muốn chán thì ít ra cũng phải tiêu diệt một phần nào các dục vọng ấy đã.

Tuy nhiên đó là nói về phương diện giáo-lý xuất-thế gian. Còn về phương-diện thế gian, đại đa số nhân-loại còn chưa đủ năng lực để đặt ngay vấn đề giải thoát. Họ phải thực hành giáo-lý nhân-thiên-thừa, bỏ ác, làm lành, nuôi dưỡng trí tuệ và từ bi để đào luyện một căn cơ vững mạnh làm nền tảng cho giai đoạn xuất thế. Đặt vấn đề khổ đau cho họ trong khi họ đang còn yếu đuối thì chỉ làm cho họ thêm khổ đau mà thôi vậy.

T. Đ.

THÔNG BẠCH

Trước đây 4 năm, vì cảm tình và vì nể tác-giả, tôi đã viết cảm tưởng cho tập **TÌM HIỀU VŨ-TRỤ NHÂN SINH** của thầy Vương-Quốc-Đạt với tư cách cố nhân tôi. Nhưng nay tập sách đã ra (với một nội dung rất khác bản thảo thuần túy năm 1953), có in những cảm tưởng của tôi với chức *ou Phó Chủ Tịch Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc*. Tôi xin thanh minh là không phải và không còn chịu trách-nhiệm về những cảm tưởng ấy nữa.

Vậy xin tác-giả và độc-giả thông cảm mà lượng thứ cho.

Ký tên : THÍCH-TÂM-CHÂU



VẤN-ĐỀ GIÁO-DỤC

Một giờ tiếp-xúc với T. T. TRÍ-THỦ,
Ủy-viên Giáo-dục của Tổng-Hội P.G.V.N.

Tại Dalat, một duyên may đã khiến cho chúng tôi được tiếp-xúc với Thượng-Tọa Trí-Thủ, ủy viên giáo-dục của Tổng-Hội P.G.V.N, trong lúc chúng tôi đang cần đến ý-kiến của Thượng-Tọa về việc giáo-dục Phật-giáo toàn quốc để cống hiến cùng độc giả thân mến của P.G.V.N.

Trong số báo trước, đạo-hữu Thiều-Chi đã viết về vấn-đề Hoảng-pháp qua bài phỏng vấn Thượng-Tọa Thiện-Hoa. Trong số này, chúng tôi cũng muốn trình bày những ý-kiến về giáo dục của T.T. Trí-Thủ một cách trực tiếp như thế nghĩa là qua hình-thức của một bài phỏng-vấn.

Thượng-Tọa Trí-Thủ trước kia đã là Giám-Đốc Phật-học-Đường Trung-Việt. Hiện nay, ngoài trách vụ Ủy-viên Giáo-dục, Thượng-Tọa còn giữ chức Giám-Viện của Phật-Học-Viện Việt-Nam tại Trung-Phần. Đó là một bậc Tăng-già mà bất cứ ở đâu, lúc nào, cũng chỉ sống cho Phật-Học-Đường và đã nguyện suốt đời hy sinh cho công việc đào tạo những thế-hệ học-tăng sống vì chánh-pháp.

Ngay lúc chúng tôi đề-cập đến vấn đề, Thượng-Tọa đã tỏ ra rất sốt sắng và tuy thì giờ của người ở Dalat rất là eo hẹp, Thượng-Tọa cũng vẫn cố xếp đặt để có một giờ dành riêng cho cuộc đàm-luận về vấn-đề mà Thượng-Tọa đã từng chiêm-nghiệm kỹ càng.

o
o o

— Bạch Thượng-Tọa, công việc của Thượng-Tọa ở Phật-Học-Viện chắc là bề bộn lắm.



— Vàng, tôi phải sắp đặt mãi mới có thì giờ để lên đây mấy hôm. Sáng mai tôi lại còn phải về Đồng-Nai-Thượng.

— Bạch Thượng-tọa về Di-Linh có Phật-sự gì ạ ?

— Chúng tôi về Di-Linh để tổ-chức lễ truyền-giới cho các đạo-hữu ở đây do sự thỉnh cầu cầu của Tỉnh-Hội Phật-Giáo Đồng-Nai-Thượng,

Sau một vài câu hỏi thăm về sức khỏe của Thượng-Tọa, chúng tôi vào đề :

— Bạch Thượng-tọa, về ngành Giáo-Dục mà Thượng-tọa phụ trách, Thượng-tọa đã có những dự định gì ?

— Chúng tôi cũng đã phác qua dự án của chúng tôi về Giáo-Dục. Nhưng dự-án ấy chúng tôi sẽ chưa đệ-trình Tổng-Hội ngay đâu.

— Thưa, vì sao ạ ?

— Vì dự án ấy, chúng tôi đã định, sẽ được xét đoán và bổ-túc bởi một Hội-nghị Giáo-Dục Phật-Giáo Toàn-Quốc, trước khi đệ trình Tổng-Hội duyệt-y.

Tôi rất hoan-hỷ khi nghe Thượng-tọa nói đến Hội-nghị Giáo-Dục Toàn Quốc, bởi vì ý-định tổ chức Hội-nghị Giáo-Dục Toàn Quốc cũng là ý-kiến của chúng tôi từ lâu nay. Bởi chúng tôi nghĩ rằng chỉ có một Hội-nghị như thế để các Thượng-Tọa đàm-luận kỹ càng trong một thời-gian ít ra là một tuần thì vấn-đề Giáo-dục mới có thể giải-quyết một cách tốt đẹp được.

Thấy tôi trầm-ngâm, thượng tọa hỏi :

— Vậy ý-kiến quý Thầy thế nào ? Có cần tổ chức Hội-Nghị Giáo-Dục Toàn-Quốc không ?

— Thưa, Chúng tôi đồng ý lắm ạ. Một vấn-đề chuyên-môn thì thế nào cũng phải được giải-quyết trong một hội-nghị gồm toàn những phần tử chuyên-môn. Các vị giám-đốc, giáo-sư, giảng-viên của các tổ chức Phật-học-đường cổ nhiên đều đã sống lâu trong ngành giáo-dục học-tăng và đều có quan-niệm của mình. Một hội-nghị về Giáo-Dục sẽ là nơi trao đổi kinh-nghiệm, lồng hợp các quan-niệm và như thế, sẽ đưa đến kết-quả rất tốt đẹp. Vậy, bạch Thượng-Tọa, hội-nghị sẽ mở tại đâu ạ ?



— Chúng tôi định sẽ tổ chức ở Dalat để tiện đường cho các Phật-Học-Viện. Ở đây cảnh vật thanh tịnh, êm ả, khí hậu lại mát mẻ; chọn làm nơi họp thì tiện lắm.

— Hội-nghị sẽ kéo dài ra đến mấy ngày ạ

— Có thể trong một tuần hay là mười ngày, tùy theo cuộc đàm luận. Nếu cần thì sẽ thêm thì giờ để vấn đề có thể được giải quyết cho thật chu đáo.

— Bạch Thượng-Tọa, bao giờ thì có hội-nghị ?

— Chừng một vài tháng nữa. Chúng tôi đã chuẩn bị, và sẽ có thư mời đại biểu các Phật-Học-Viện và các Giáo-hội nay mai.

— Bạch Thượng-tọa, Hội-nghị cũng sẽ có đại-diện các Giáo-Hội Tăng-Già ?

— Vâng, sự có mặt của các vị ấy rất là cần-thiết. Bởi vì vấn-đề giáo-dục học-tăng có liên-hệ rất mật-thiết với vấn-đề tổ chức của Giáo-hội Tăng-già. Tôi cũng đã thấy Nguyệt-san P.G.V.N. cũng đề cập đến việc này trong bài « Vấn-đề đào-tạo Tăng-Tài ». Thẻ-thức thu nhận sinh-viên học-tăng, thẻ-thức truyền thọ giới pháp theo các niên-học cần được có sự thông cảm và đồng ý của các Giáo-Hội. Hơn nữa, chính các Giáo-hội là nền tảng tinh-thần và vật-chất cho các Phật-Học-Viện; vậy ý-kiến của các vị ấy sẽ giúp cho bản dự-án giáo-dục đi gần với thực-tế hơn. Không những thế, chúng tôi lại mời thêm các vị cư-sĩ hiện đang phụ giảng trong các Phật-học-đường về các khoa sinh-ngữ, khoa-học... để các vị ấy phụ giúp ý-kiến.

— Bạch Thượng-tọa, vậy vấn đề soạn thảo chương-trình môn Phật-Pháp cho các trường tư-thục Bồ đề cũng được bàn luôn trong Hội-nghị ?

— Vâng.

— Bạch Thượng-tọa cho biết đại-khái bản dự-án mà Thượng-tọa sẽ thuyết-trình trong Hội-nghị Giáo-dục sắp đến

— Đáng lẽ trước khi nói qua về những điểm chính trong bản dự-án, tôi phải phác qua tình hình giáo-dục hiện thời của các Phật-học-đường. Nhưng chắc có lẽ đối với quý Thầy, chuyện này không cần thiết mấy bởi vì các Thầy đã sống nhiều với

các Phật-học-viện. Tôi chỉ nói gọn rằng những điểm nêu ra trong bản dự-án đều được nhắm vào khả năng hiện tại.

— Vâng, xin Thượng-tọa cứ cho biết.

— Lâu nay, chương-trình và phương-pháp giáo-dục của học-tăng đã chuyển biến ít nhiều để thích hợp với hiện-tại. Học-tăng không những chỉ học Hán-tự và Nội-điển như xưa, mà còn học thêm sinh-ngữ, khoa-học, triết-học... nữa. Điều quan trọng hơn hết là có một số các giáo-sư đã dùng phương-pháp mới để có những nhận thức rộng rãi hơn về các tác phẩm nội-điển. Nhưng dù sao, các Phật-Học-Đường cũng chỉ mới xây dựng được cấp Trung-Học Phật-Giáo, mà sự xây dựng đó mới đi được nửa chừng. Tài-liệu giáo-khoa vẫn còn thiếu sót, nhất là chưa có tác phẩm giáo-khoa nào được in thành sách cả, dù là in bằng máy Ronéo. Tôi mong rằng giáo-sư các Phật-Học-Đường sẽ trao đổi các tài liệu ấy, bổ túc lại và cho in thành sách.

— Bạch Thượng-tọa, theo chương trình của các Phật-Học-Đường hiện nay, các thầy học-tăng sau khi học xong cấp Trung-học đã có thể làm giảng-sư được chưa ạ? Trình độ hiểu biết phổ thông của các vị ấy như thế nào?

— Các học-tăng học xong cấp Trung-Học Phật-giáo có thể làm giảng-sư được; về kiến-thức phổ-thông, họ có trình-độ Trung-học chuyên-khoa.

— Bạch thượng-tọa, bao nhiêu lâu nữa thì cấp Trung-Học Phật-giáo được xây dựng hoàn toàn?

— Ngoài thế gian, cấp Trung-Học cũng đang nằm trong thời kỳ xây dựng, thì trong các Phật-Học-Viện, cấp Trung-học cũng còn nằm trong thời kỳ xây dựng. Nếu thực hành theo những điểm trong bản dự-án của chúng tôi, thì có thể xây-dựng mau chóng hơn.

— Phải làm thế nào ạ?

— Các giáo-sư soạn tài liệu với sự giúp đỡ của học-tăng đại-học và trao đổi tài-liệu cho các Phật-Học-Viện.

— Bạch Thượng-tọa như thế thì quý-hóa lắm. Nhất là khi tài liệu được soạn thảo ấy không những chỉ căn-cứ trên các tác-phẩm đồng phương mà còn căn cứ trên các tác-phẩm nghiên-



cứu của người tây-phương. Nhưng về cấp đại-học, Thượng-tọa nghĩ thế nào?

— Đây mới chính là điểm quan trọng nhất mà Hội-nghị sẽ bàn đến. Hiện giờ những lớp đại-học còn lại ở các Phật-học đều là các lớp tổ-chức theo chương trình xưa và phương-pháp xưa. Mà học theo chương trình xưa thì về phương diện tân học còn thiếu lắm, tuy về nội điển có thể rất vững vàng. Vì vậy mà một nền đại-học Phật-giáo mới phải được tổ chức cấp bách. Về đường lối và kế-hoạch tổ chức một nền đại-học mới cho Phật-giáo, tôi có ghi kỹ lưỡng trong bản dự-án. Nếu hội-nghị giáo-dục thành-công, thì ít ra, sang năm cũng có được những lớp dự Bị đại-học tổ-chức theo phương-pháp mới.

Để thực hiện, các giáo-sư và giảng viên phải tích cực hoạt động nhất là về vấn đề soạn thảo tài-liệu giáo-khoa và dự-bị những cuộc thi tuyển lựa sinh viên học-tăng có trình độ Trung học chuyên-khoa.

— Bạch Thượng-tọa, như thế trách-vụ của Hội-nghị Giáo-Dục và của các vị giáo-sư rất là nặng nề.

— Vâng, rất là nặng nề. Nhưng tôi vẫn tin rằng để thực hiện nền giáo-dục Phật-giáo Quốc-gia, các vị sẽ cố gắng. Tam-tạng Trung-Hoa còn nguyên vẹn, chưa dịch được bao nhiêu. Tài-liệu Tây phương cũng không đủ thiếu gì. Một Học-tăng từ chương trình cũ sang chương trình mới phải qua một giai-đoạn chuyển-tiếp. Giáo-sư Ba-Ly-ngữ và Phạn-Ngữ hiện không có, phải trông chờ ở các vị du-học-Tăng sắp về. Nói tóm lại, là cần rất nhiều cố gắng. Còn lâu lắm, nền Giáo-dục Phật-giáo của ta mới theo kịp các nước Phật-giáo bạn...

Nói xong câu ấy, Thượng-tọa trầm ngâm. Một tiếng chuông ngân dài, báo hiệu giờ công phu chiều. Qua tiếng chuông thuận-hậu, ngân dài, chúng tôi cảm thấy sức sống dai bền của những tâm hồn luôn luôn lo lắng cho nền Đạo.

Bài của Bàn-San chủ-bút.

CHIẾC ÁO

Tùy-bút của **TÂM-QUÁN**

CÓ những chiếc áo không bao giờ xấu và cũ. Tôi có một chiếc áo nâu đã sờn rách và bạc màu, nhưng tôi quý hơn tất cả những chiếc áo khác của tôi. Tôi không thấy chiếc áo ấy xấu và cũ một tí nào, trong khi các bạn đồng học đồng tu của tôi gọi nó là « chiếc áo ba mươi bảy kiếp khổ hạnh. » Suốt thời gian theo học Phật ở chùa Báo-Quốc tôi đã dùng chiếc áo kia với một sự ưa-thích mặn-mềnh. Chiếc áo ấy nay đã rách quá, không còn mặc được nữa, nhưng tôi vẫn giữ kỹ bởi vì đó là một kỷ niệm đáng quý trong đời xuất-gia thiếu niên của tôi.

Không thấy nó xấu và cũ, bởi vì tôi thường đem cả cái tinh-thần chủ-quan của tôi mà nhìn ngắm nó, xử-dụng nó. Cái áo đó hơi rộng, bởi vì chính là áo của thầy tôi cho tôi. Mà nhất là thầy tôi cho tôi đúng

vào lúc tôi đang sửa-soạn một tâm-trạng chân-thành để phát-nguyện sống đời giải-thoát.

★ ★ ★

Hồi ấy tôi xin vào chùa để học làm điếu, nghĩa là xin tập-sự xuất-gia. Lúc tôi xin vào, thì số lượng đại chúng đã gần hai mươi vị. Phần nhều là các vị đã tu học lâu năm. Học làm « điếu » như tôi chỉ có ba người. Chú Tâm-Mãn vào sau tôi một năm. Thế là bốn. Chúng tôi học chung, làm việc chung. Công việc của chúng tôi nặng-nề nhất, bởi vì tuổi tu của chúng tôi ít hơn. Năm thứ nhất, chúng tôi học công-phu luật Sa-Di. Năm thứ hai, chúng tôi học luật-giải và những bộ kinh phổ-thông. Năm thứ ba, trong số bốn « điếu » tôi và chú Mãn được xem là học khá hơn cả. Chúng tôi hy-vọng được làm lễ thế-độ trước. Làm lễ thế-độ tức là được chính-thức



thọ-giới xuất-gia. Chúng tôi chờ đợi giờ phút ấy như chờ đợi một sự thành-công rực-rỡ. Riêng tôi, tôi mong mỗi giờ phút ấy còn hơn một th-sinh mong-mỗi giờ phút tuyên-bổ kết-quả một cuộc thi sau ba năm học-tập.

Giờ phút ấy, cuối-cùng, đã đến.. Một buổi chiều gánh củi về chùa, tôi được chú Tâm-Mãn báo cho tin mừng ấy. Thầy tôi (vị thượng-tọa) sẽ cho tôi chính-thức thọ-giới xuất-gia trước khi gửi tôi về Phật-học-đường Báo-Quốc. Một mình tôi thôi, bởi vì chỉ có tôi đủ điều kiện tuổi-tác và khả-năng nhập học. Chú Tâm-Mãn vì còn nhỏ, thua tôi hai tuổi, thành thử dù có sức học nhưng cũng chưa được chính-tức làm lễ thế-độ.

Trong niềm vui mang ít nhiều bông-bột của tuổi thiếu-niên ấy, tôi cảm thấy lớn hẳn lên, quan-trọng hẳn lên. Chú Tâm-Mãn chia với tôi niềm vui ấy một cách sốt-sắng chân-thành. Ngày khai-giảng Phật-học-Đường sắp đến. Chúng tôi bàn-soạn với nhau về mọi công-việc. Riêng về lễ thọ-giới, đã có các thầy lo-lệu cho; tôi chỉ việc ôn lại cho thuộc lòng bốn quyền luật Sa-Di mà thôi. Chúng tôi bàn nhau gửi thư về nhà xin một số tiền nhỏ để nhờ dì Tư đi chợ Bến-Ngự mua một ít hương trầm hoa-quả và một ít nếp đậu. Hương trầm

hoa-quả là để cúng Phật trong ngày lễ thọ-giới của tôi. Nếp và đậu chúng tôi sẽ nhờ dì Tư nấu xôi chè cúng dường đại-chúng chư-tăng để kỷ-niệm một ngày đáng ghi nhớ nhất trong đời xuất-gia học đạo. Nhưng nhà thì xa, gửi thư về không biết có kịp không. Chúng tôi bày-tỏ mối lo ngại với dì Tư. Dì Tư đã già. Dì cười với hai hàm răng sún rất là dễ thương: « Các chú cứ gửi thư đi; nếu tiền không đến kịp, tôi sẽ lấy quỹ của nhà bếp mà mua cho các chú, rồi mình sẽ bù vào sau.» Thế là chúng tôi mừng-rỡ lên sửa-soạn rương Kinh sách. Chú Mãn ôm từng chồng giấy vàng bạc bỏ vào rương tôi. Những giấy vàng bạc là do người thập-phương đem đến cúng chùa. Thầy tôi dặn đừng đốt, để dùng mà viết Kinh. Suốt mấy năm nay chúng tôi đã tập chữ và chép Kinh trên giấy ấy mà học. Chú Tâm-Mãn chùng sợ tôi ra trường thiếu giấy viết, nên ôm bỏ vào đầy một góc rương của tôi.

Lễ thọ-giới của tôi được định vào 4 giờ khuya ngày mai. Tối hôm nay, khi cùng đợi chúng đi công-phu tịnh-độ ra, tôi thấy thầy tôi ngồi trên bồ-đoàn, trang-nghiêm khâu lại một đường rách của một chiếc áo nâu cũ, bên ánh sáng lung-linh của cây đèn bạch lạp. Thầy tôi ngồi bán



giò, ung dung đưa những mũi kim qua làn áo vải; tuy đã già nhưng mắt thầy tôi còn sáng và đáng ngời của thầy tôi còn thẳng. Tôi và chú Tâm-Mãn dừng lại ở cửa phương-trượng, ngắm cái cảnh-tượng đẹp-đẽ trang-nghiêm ấy một lúc lâu. Dưới ánh-sáng trong-trẻo của ngọn bạch lạp, bên chiếc án-thư đặt một chõng kính hán-tự, thầy tôi có dáng-dấp tự-tại và trang-nghiêm của một vị đại bồ-tát đương sống những phút trầm-tư.

Mãi một lúc sau chúng tôi mới nhẹ-nhẹ bước vào phương-trượng. Thấy động, thầy tôi ngừng lên. Thấy chúng tôi, người sẽ gật đầu rồi cúi xuống với đường kim nửa chừng. Chú Tâm Mãn thưa :

— Bạch Thầy, xin thầy đi nghĩ kéo khuya ạ. Thầy tôi không ngừng lên :

— Đề thầy khâu lại cái áo tràng nâu để sáng mai cho chú Quán mặc.

Bây giờ tôi mới hiểu tại sao hỏi chiều thầy tôi đã mất cả một buổi soạn lại những chiếc áo cũ. Thì ra thầy tôi tìm một chiếc áo lành-lặn nhất trong số đó, rồi khâu lại một vài đường rách để cho tôi. Ngày mai tôi sẽ được mặc, lần đầu tiên, một chiếc áo tràng. Ba năm nay chúng tôi chỉ mới được mặc áo

năm thân màu lam. Thọ-giới-xuất-gia, tôi sẽ được phép mặc thứ áo quý giá ấy, thứ áo mà trong luật gọi là áo giải-thoát—giải-thoát phục. Tôi run run bạch lại :

— Bạch thầy, đề chúng con nhờ dì Tư chúng con khâu cũng được.

— Không, thầy muốn tự tay thầy khâu lại cho con.

Im lặng. Chúng tôi vòng tay lễ phép đứng hầu một bên không dám nói thêm một lời nào nữa. Một lát sau, thầy tôi, mắt vẫn không rời mũi kim, lên tiếng :

— Các chú có nghe trong Kinh dạy rằng ngày xưa có một vị đại đệ-tử của Phật chỉ nhờ khâu y mà chúng ngộ không? Đề thầy nói cho nghe. Vị đại đệ-tử ấy thường tìm sự thích-thú an-lạc trong việc vá lại những chiếc y đã rách, vá lại cho mình và cho những bạn đồng tu. Mỗi khi đâm qua một mũi kim, ngài làm phát sinh một tâm-niệm lành, một tâm-niệm giải-thoát. Cho đến một ngày kia, khi mũi kim vừa thấu qua làn vải ngài liền thấu suốt được một pháp môn thâm diệu, và trong sáu mũi liên-tiếp ngài chứng được lục-thông.

Tôi ngược nhìn thầy tôi với một niềm kính-mến. Thầy tôi với đạo-phong uy-nghi thế kia thì

dù chưa chứng được lục-thông đi nữa cũng đã lên đến một trình-độ giải-thoát tự-tại mà không biết bao nhiêu lâu nữa, chúng tôi mới mong đạt đến được.

Nhưng chiếc áo đã khâu xong. Thầy tôi ra hiệu cho tôi lại gần. Người bảo tôi mặc thử. Chiếc áo đối với tôi hơi rộng, nhưng không phải vì thế mà tôi không cảm thấy hân-hoan đến gần chảy nước mắt. Tôi cảm-động vì sống trong đạo giải-thoát tôi đã tiếp-nhận được một thứ tình thiêng-liêng, trong sáng; một thứ tình êm nhẹ thanh thoát đượm ngát hương vị lý-tưởng đã từng nuôi dưỡng chí-nguyện của tôi trong suốt bao nhiêu năm trường xuất-gia tu-học.

Tôi tiếp-nhận cái áo của thầy tôi trao cho mà như tiếp-nhận được cả một niềm khuyến-kích vô-biên kèm theo một tình thương dịu-dàng, kín-đáo. Giọng nói của thầy tôi lúc ấy có thể là giọng nói êm-dịu nhất mà tôi đã được nghe:

— Thầy tự khâu lấy cho xong

đề sáng mai còn có áo mà mặc.

Thật là đơn sơ. Nhưng tôi cảm-động vô-cùng khi tôi nghe câu ấy. Thân tôi tuy lúc ấy không quỳ trước đức Phật, miệng tôi lúc ấy tuy không đọc lời đại-nguyện độ-sinh, nhưng lòng tôi lúc ấy thật đã phát lời thệ-nguyện rộng sâu để sống cuộc đời giải-thoát. Chú Tâm-Mãn đã nhìn tôi trong một cái nhìn cảm-mến: vũ-trụ của chúng tôi trong giờ phút ấy thật là một vũ trụ của hương-hoa.

* * *

Cho đến bây giờ, tôi đã bao nhiêu lần may thêm áo mới. Những chiếc áo nâu sau này, chiếc nào cũng có một thời-gian được ưu đãi rồi lại cũng có một thời-gian bị lãng quên. Nhưng chiếc áo nâu cũ rách năm xưa bao giờ cũng giữ được địa-vị thiêng-liêng của nó. Ngày xưa, mỗi lần tôi mặc áo ấy là tôi nhớ đến thầy tôi. Ngày nay, chiếc áo rách quá không còn dùng được nữa; tôi còn giữ nó đấy để nhiều lúc trầm tư nhớ lại một kỷ-niệm êm đẹp của thời xưa.

KHẢO SÁT VỀ THIỀN-HỌC

Bài của TUỆ-UYỀN

I — Khái-niệm về Thiền-học.

Nói đến Thiền-học, ta thường liên-tưởng đến Thiền-tông, một học-phái Phật-học rất thịnh-hành ở Trung-Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam thời trước. Nhưng thực ra, thiền-học có nhiều chủng-loại khác nhau, chứ không phải chỉ có một thiền-học Đại-Thừa như ta thấy ở thiền-tông của ba nước mà thôi.

Xét về gốc chữ, thì chữ " thiền " là do tiếng Phạn *Dhyana* (hay tiếng Ba-lì *Jhana*) mà ra ; có nghĩa là tư-duy hay tĩnh-lự. Du-già-phái, một trong sáu phái triết-học của Ấn-độ, xem thiền là giai-đoạn thứ bảy trong tám giai-đoạn tu-hành. Phật-giáo Tiểu-thừa đặc-biệt chủ-trương **tứ-thiền** và xem thiền là một pháp-tu quan-trọng nhất. Trong giáo-lý Đại-thừa, thiền là một trong lục ba-la-mật (sáu phương-tiện để vượt sang bờ giải-thoát) và gồm có nhiều phương-pháp tu-chúng sai-biệt.

Tuy có nhiều chủng-loại, nhưng thiền bao-giờ cũng mang nghĩa tư-duy và tĩnh-lự : phương-pháp của Thiền là tập-trung tâm-ý vào một đối-tượng để tư-niệm và suy-xét.

Phương-pháp của Thiền là một phương-pháp thân tâm toàn nhất, nghĩa là một phương-pháp điều-động cả thân và tâm cùng trong một lúc. Tuy vậy, khi khảo sát, ta có thể chia làm hai phần : phần hình-thức và phần nội-dung.

Về hình-thức, ta có sự tu-luyện thân-thể, tức là phương-pháp làm cho thân-thể an-tĩnh để trợ-lực cho sự thống-nhất của tinh-thần. Trong bất cứ môn Thiền nào cũng vậy, sự điều-luyện thân thể cũng được xem là rất quan trọng, bởi vì không có nó, phép thiền-định sẽ không thành công. Người tọa-thiền nếu có một khu-xác quá yếu-đuối sẽ rất khó thu-đạt được kết-quả.

Về nội-dung, ta có sự tập-trung và tư-duy của tinh-thần. Nhờ tập-trung và thống-nhất, tâm-ý trở nên mạnh-mẽ ; dùng lực-lượng tinh-thần này

đề tư-duy khảo-sát và đi đến chỗ khai-ngộ. Nói tóm lại, thiền tức là sự thực-hiện khai-ngộ, thực-hiện lý-tưởng. Lý-tưởng ấy là tiêu-điểm của tư-duy, được đưa vào trung-tâm thống-nhất của tinh-thần để được khảo-sát và thực-hiện.

Ngoài danh-từ thiền, trong đạo Phật còn có danh-từ **chi-quán**. Chi tức là sự tĩnh-định của tâm ý và quán là sự tư duy quán sát căn-cứ trên sự tĩnh-định ấy của tinh-thần. Chi-quán cần được thực-hiện quân bình : Nếu Chi thái quá thì hành giả sẽ làm vào trạng-thái bán thụy-miên, thiếu mất khí lực ; còn Quán thái quá thì tâm sẽ tán-loạn và trở thành điệu cử. Tóm lại trong sự chuyên niệm lý tưởng và khảo sát đối tượng của tư duy, hành-giả phải rất bình tĩnh : như thế là thiết lập được sự quân bình giữa chi và quán.

II — Các loại Thiền-học.

Do chủ-dịch phương-pháp và quan niệm khác nhau, nên thiền có nhiều chủng-loại. Ngài Tôn-Mật Thiền-sư đời Đường trong cuốn « Thiền-Nguyên Chư Toàn Tập Đô Tự » có phân biệt 5 loại Thiền như sau :

1.— *Ngoại đạo Thiền* : Chủ trương thừa nhận ngoài bản-ngã còn có những thế-giới thần-minh ; chán ghét thế giới hiện tại này và mong cầu đạt đến các thế-giới thần-minh ấy. Đó là phương-pháp và tôn chỉ của ngoại-đạo-thiền.

2.— *Phàm-phu Thiền* : Tin-tưởng ở luật nhân quả, mong ước đạt đến những thế-giới cộng-nghiệp đẹp đẽ hơn thế-giới hiện-tại. Thiền ở đây chưa có công-dụng giải-thoát được cho con người ra khỏi tam-giới.

3.— *Tiêu-thừa Thiền* : Tin tưởng ở đạo lý vô-ngã và nhắm vào mục đích diệt-ngã.

4.— *Đạt-thừa Thiền* : Nhận rõ tự-ngã và ngoại-giới đều không, ước muốn thề-nhập lý-chân không mẫu nhiệm ấy.

5.— *Như-Lai tối-thượng Thiền* : Tự-giác có khả-năng-tính thành Phật, nhắm vào mục-dịch thực-hiện hoàn-toàn nơi mình giác-tính của Phật-dà, để nắm vững được công hành tự-giác, giác-tha và giác-hạnh viên-mãn. Ngài Tôn-Mật giải thích : « Tối-thượng-thiền là môn thiền-học nương vào sự nhận thức tự-tâm bản lai thanh tịnh, không có phiền não ; trí-tánh vô lậu vốn sẵn đầy đủ, tâm ấy chính là Phật, hoàn-toàn không sai có khác ». Tối Thượng Thiền còn gọi là Nhất-Hạnh Tam-Muội, Chân-Như Tam-muội, Như-Lai Thanh-Tịnh Thiền. Môn Thiền-học được truyền sang Trung-hoa



do Đạt-Ma Tô-Sư và truyền sang Việt-nam do Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi Tô-Sư chính là môn Như-Lai Tối-Thượng Thiền này vậy.

Tuy hết sức giản-lược, lối phân biệt của ngài Tôn-Mật cũng đã có thể gọi là xác-đáng. Nhưng ta cũng có thể căn cứ vào những sắc thái đặc biệt của các chủng loại thiền học để phân biệt những tính cách khác nhau của thiền. Có những môn thiền chủ trương phân-ly thân-tâm, hy vọng có thể tiêu diệt được ý-chí sinh tồn để được giải thoát khỏi cuộc đời khổ não. Tính cách của các môn này là yếm thế, vô-hoạt-động. Có những môn Thiền nhằm vào mục đích vãng sinh lên các thiên-quốc thì lại mang nhiều sắc-thái tình cảm và ứn³ ngưỡng, do đó có tính cách y-cứ vào tha lực. Có những môn Thiền chỉ tin vào chính tự khả năng sẵn có nơi mình và hoàn toàn có tính cách tự lực.

Đứng về phương-diện triết học và tôn giáo để khảo sát thiền-học, ta phải đặc biệt chú trọng đến vấn-đề **tự-ngã**. Vì đây là vấn-đề then chốt của Thiền, làm căn bản cho những vấn-đề khác như vấn-đề sinh-mạng và vấn-đề giải-thoát.

III.— Tự-Ngã là gì ?

Triết học và Tôn-Giáo, từ xưa đã nhằm vào mục-đích giải-quyết vấn-đề tự-ngã. Cho đến bây giờ, vấn-đề tự-ngã vẫn còn là vấn-đề trung-tâm của triết học.

Thông thường và trước hết, tự-ngã chỉ là thân xác của mỗi người. Tuy là quan niệm đơn sơ, nhưng chính thực là căn-bản, bởi vì khu xác là cứ-điểm để quán-sát tự-ngã toàn-vẹn.

Nhưng xác thân thực không phải chính là tự-ngã. Nếu quả xác thân là tự-ngã thì khi người ta mất một cánh tay, tự-ngã cũng bị tổn giảm một phần. Mà trên sự thực, không có như vậy. Người cụt tay vẫn tự giác một tự-ngã toàn-vẹn như bất cứ một người nào khác. Lại nữa, ngoài xác thân mình còn có những vật sở-hữu của mình, còn gia-đình mình, tồ-quốc mình tất cả những cái mà mình có thể đồng nhất; với tự-ngã ấy không thể gọi là những thứ phi-tự-ngã được. Nói tóm lại, tự-ngã là một cái gì có tính cách "co giãn"; về một phương-diện nó có khuynh hướng đi sâu vào bên trong, về một phương diện khác, nó có khuynh hướng khai triển ra ngoài. Làm biên giới giữa hai thế giới nội ngoại đó, chính là xác thân. Từ thân xác trở vào hô-hấp, từ hô-hấp trở vào nội-tâm, từ nội tâm trở vào chân-ngã, đó là con đường nội-nhiếp. Từ thân xác đi đến gia-tộc, từ gia-tộc đi



đến quốc gia, từ quốc gia đi đến nhân loại và từ nhân loại đi đến vũ-trụ, đó là con đường khai triển ra ngoài.



Con người trước hết là một kết hợp của ngũ-uần : sắc thọ tướng hành thức. Sắc tức là vật-chất—Thọ tướng hành thức là tinh-thần. Sợi dây liên lạc giữa vật chất và tinh thần chính là hô-hấp. Nhờ hô-hấp, con người có thể trở vào đời sống nội tâm, quán sát các hiện-tượng thọ tướng hành thức.

Ở đây, chủ thể quán-sát và đối tượng quán-sát là một và vì thế thay đổi chuyển biến không ngừng. Những cảm giác, suy tưởng, những tri giác liên quan đến ngoại giới do sự chi phối của nhục thể... Tất cả các hiện tượng tâm-lý ấy đều biến chuyển, tiêu diệt và không thể gọi là tự-ngã. Tự-ngã phải là một cái gì đồng nhất bất biến... Tự-ngã phải là một nguyên lý chủ-quan thuần-túy, một nguyên lý hoạt động thuần túy, mà như thế thì nó vượt ra ngoài phạm-vi kinh-nghiệm, phạm-vi của phi-ngã. Dùng khái niệm đề trực tiếp với tự-ngã, đó là điều không thể làm được. Bởi vì nói « tự-ngã là thế này, tự-ngã là thế kia » tức cho rằng tự-ngã là một đối tượng của tri-giác. Mà đã là đối tượng của tri-giác thì phải biến chuyển, tiêu-diệt, và như thế thì không phải là tự-ngã nữa.

Vì vậy, tự ngã phải là tuyệt đối. Trên lý-luận, tự-ngã tuyệt đối ấy được thành lập do một giả-định tối-hậu cần phải có. Trên thực-tế, tự-ngã tuyệt đối ấy chỉ có thể do trực giác tìm tới được mà thôi, ngôn-ngữ và tư-lự không thể nào tìm đến và diễn tả được.

Vậy dùng thân thể làm xuất phát đề đi sâu vào nội-giới thải trừ những yếu-tố phi-ngã, cuối cùng tìm đến một giả-định tối hậu là chân-ngã nằm sâu trong nội-giới và vượt ra ngoài phạm-vi kinh-nghiệm : là con đường nội nhiếp.

Đứng về mặt khai triển, tự-ngã có thể bao gồm cả gia-đình, dân-tộc, quốc-gia xã-hội. Khi con người lao-tồn tâm-lực và thân-lực để nuôi gia-đình, con người đã không quan-niệm rằng tự ngã chỉ là xác thân nữa. Bao nhà luân-lý, bác học, chiến-sĩ đã vì yêu nước, yêu người, yêu nhân loại mà hy-sinh cho đạo đức, cho nhân-loại, cho tồ-quốc. Tự ngã của họ đã khai-triển từ thân xác họ cho đến chủng loại họ, quốc gia họ... Phần đông những người ấy đều là những người chiến thắng được những dục-vọng tầm thường của thân xác. Với những kẻ chiến thắng hoàn-toàn các dục-vọng, tự-ngã của họ là tất cả nhân-loại, tất cả vũ-trụ. Đối với họ, không

còn có gì là phi-ngã cần phải loại trừ ra ngoài nữa. Tất cả những gì trước kia nhận thấy là phi-ngã bây giờ đều trở thành tự-ngã, không sót một hào-ly.

Vậy đứng về phương-diện hình thức, ta thấy tự-ngã có thể thu-nhiếp thành cực-tiểu cũng như có thể khai-triển thành cực-đại. Làm căn-cứ cho sự thu-nhiếp và khai-triển ấy là thân xác của con người... Nhìn về hình thức thấy hình như có hai thái-cực mâu thuẫn. Nhưng xét về phương-diện nội-dung thực-tại, ta thấy cái cực-đại và cực-tiểu ấy vốn hoàn toàn nhất-trí. Nếu đạt-quán được chân tướng của cái ngã chân-thực, cái ngã tuyệt-đối, thì mâu-thuẫn hình thức ấy không còn thấy nữa.

IV.— Bản-ngã tuyệt-đối.

Không nhận được chân-ngã, tức là đã có quan-niệm sai lầm về tự-ngã. Những kẻ phàm phu quan-niệm tự-ngã là thân xác và chỉ biết lo lắng cho thân xác ấy mà thôi. Nhận thân-xác là tự-ngã, lo chiều chuộng và làm thỏa mãn dục-vọng của thân xác ấy, kẻ phàm phu vướng vào hai cái tệ lớn : đối ngoại thì ích kỷ, tham lam ác độc, không có khả năng dung nạp kẻ khác, nói tóm lại, không thể khai-triển tự-ngã ; đối nội không có năng-lực tự-tĩnh, nội hướng và vì thế không bao giờ có hy vọng trực nhận được chân-ngã của mình.

Trái lại, nếu cởi mở dần dần được những ràng buộc của dục-vọng thân-xác, thì khi đối ngoại, ta thể nhập dần dần với đại-ngã, khi đối nội, ta diệt trừ những vọng niệm đề dần dần đi đến trực giác chân-ngã. Đời sống nội-tĩnh càng thắm-thiết, đời sống ngoại-quan càng mở rộng. Các bậc thánh nhân khi đã vào sâu trong đời sống nội-tĩnh, làm phát triển đến vô hạn khả năng từ-bi, tự thấy muôn loài đều nằm trong chân-ngã nên đem khả năng từ-bi ấy mà bao trùm tất cả. Do đó, tự-ngã khai-triển đến vô-biên và chân-ngã hòa-hợp với vũ-trụ trong một sự nhất-trí hoàn-toàn.

Tính chất của tự-ngã là thế, nhưng bản-thể của tự-ngã là gì ? Một giả định tối hậu tất nhiên phải đến : Chúng ta không thể không thừa nhận sự tồn tại của một cái bản ngã tuyệt-đối làm bản chất cho chính chúng ta. Cái **tuyệt-đối-ngã** ấy chính là sự sống tràn đầy, là sinh mệnh tuyệt đối. Sinh mệnh của chúng ta tức là tự-ngã, ở đâu và lúc nào cũng khuynh hướng về tuyệt-đối, về vô hạn. Nó kết hợp với đại-ngã tuyệt đối và vô hạn. Trên thực chất đại-ngã ấy không rời chúng ta. Bởi vì nếu đại-ngã tuyệt-đối ấy mà rời khỏi chúng ta thì nó không còn được gọi là đại-ngã tuyệt-đối nữa.



Cố nhiên, cái bản thể tuyệt đối ấy không nằm trong phạm-vi nhận-thức tương đối của chúng ta. Ta không thể quan-niệm được nó. Chỉ có thể tạm gọi nó bằng một cái tên, hoặc là Pháp Thân, là Phật-tâm, là Chân Như, là Không .. mà không thể giải-thích nó bằng ngữ ngôn, không thể tìm hiểu nó bằng suy luận.

Bản thể ấy tuyệt đối tự do và vĩnh cửu bất biến ; đó là bản chất, là hoạt-động-lực của dòng sống tràn đầy, và là bản tính của chúng ta. Chính đó là cái mà chúng ta phải thể-hiện bằng phương-pháp thiền-học.

Phải thể-hiện cho được cái bản ngã tuyệt-đối ấy, vì đó là căn-đề của tất cả mọi vật-thể, mọi hiện-tượng. Canh cây ngọn cỏ đều là biểu-hiệu cho cái bản ngã tuyệt đối ấy. Các nhà thiền-học thường bảo « các loài hữu-tình và vô-tình đều có Phật tính » chính là vì thế.

VI.— Thiền-học và phương-pháp thực-hiện đại-ngã.

Muốn thực hiện đại-ngã, không cần phải hướng ngoại để tìm cầu. Không phải nhờ công phu nghiên-cứu lịch-sử văn minh nhân loại, hoặc phân tích các hiện-tượng đạo-đức, tìm hiểu các hiện-tượng sinh-lý, vật-lý... mà có thể tìm thấy đại-ngã. Tất cả các hiện-tượng kia tuy nằm trong dòng sống tuyệt đối nhưng vẫn là những hiện tượng tương đối. Muốn đạt đến bản-ngã tuyệt-đối, phải căn cứ vào những nguyên-lý tuyệt đối.

Như trên đã nói, phương-pháp của thiền-học một mặt là chế-ngự cảm-giác, một mặt là chuyên niệm về tiêu-điểm lý-tưởng, dùng chỉ-quán quét sạch vọng động để trực-nhận chân ngã. Ban đầu dùng hô hấp để từ thân-thể đi vào tinh thần, rồi đem tinh thần tập trung ở chân-ngã, trực tiếp dung-hợp với chân-ngã. Trực-nhận được chân-ngã tức cũng là trực-nhận được đại-ngã tuyệt đối bởi vì cả hai đều là bản thể bất-nhị. « Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật » chính là ý ấy.

Vậy sự khai-ngộ của thiền-học chính là nhờ ở lực-lượng thống-nhất của tâm-ý và khả năng trực nhận chân ngã. Một khi đã được khai ngộ, hành-giả không còn sống trong những mảnh giả-ngã rời rạc nữa, và được an-trú trong một cảnh giới toàn-nhất tuyệt-đối. Cảnh giới toàn-nhất ấy không thể dùng ngữ ngôn diễn tả được, chỉ có thể do tự-thân thực nghiệm. Trong giới chứng-ngộ, thỉnh-thoảng có những lối diễn tả đặc biệt, mà với trí suy luận ta chỉ thấy toàn là vô lý mâu thuẫn, không thể nào lĩnh-hội được. Những lời nói lạ lùng, những cử chỉ kỳ quặc ấy chỉ có thể có nghĩa với những ai mà tâm-trí đã gần kề với sự giác ngộ và đang đợi sự khai thị của những bậc đã trực-nhận chân-lý.

TUỆ-UYÊN

Không Bền Hạn ...

Lên giây đi và thử một cung đàn.
Sương theo gió tan bay hòa vũ-trụ.
Tiếng hoa lá reo cười đời cầm-tú.
Nắng vàng xanh chảy khắp bốn chân mây.
Tiếng đàn-ca diu-dặt lướt ngàn cây
Trăng rung chuyễn, sao mờ-mờ ần-hiện.
Thần-trí nhẹ, sông Ngân-Hà uyển-chuyễn
Đón âm-thanh kỳ-diệu của trần-gian.
Hỡi trần gian ! lên thử một cung đàn
Hòa nhịp sống cho vô biên thế-giới
Lòng rộng mở cho đời xa diệu vợi
Lắng tâm-tư cho sát khí dần tan
Hãy nghe ta : lên đi một cung đàn
Hòa bác-ái trong âm thanh huyền-ảo :
Những biên-giới hẹp-hòi và sâu náo
Của lòng người tan-biến theo tiếng ngân
Trong phút giây, một tiếng động dương cầm,
Hoa lá thắm, chim ca trên huyền diệu...

* * *

Ta hãy nắn một cung đàn muôn diệu,
Đề Từ-Bi tiêu-diệt khí tham-sân.

HUYỀN-KHÔNG



VĂN-HỌC PHẬT-GIÁO

(Tiếp theo)

LẬP-TRƯỜNG CỦA CÁC BỘ-PHÁI

Lập-trường của Nguyên-Thị Phật-giáo là quy tất cả về tâm. Giá-trị đạo-đức luân-lý của Tâm quyết-định giá-trị của thế-giới khách-quan. Thế-giới khách-quan ấy tương-ứng với nội tâm. Vậy một sự cải-biến nội tâm không những chi-phối được tự thân của nội tâm mà còn chi-phối được cả thế-giới khách-quan nữa. Đề cập về điểm này, bác-sĩ Mộc-Thôn Thái-Hiền trong cuốn « Nguyên-thị Phật-giáo Tư-tưởng luận » đã gọi Phật-giáo Nguyên-thị là một « Luân-lý Duy-tâm luận. »

Tuy-nhiên, trên phương-diện thường-thức, ít ra ta cũng thấy rằng Phật-giáo Nguyên-thị thừa-nhận một thế-giới thực-tại khách-quan. Khuynh-hướng tìm-hiểu thế-giới thực-tại qua sinh-hoạt chủ-quan vì thế là một khuynh-hướng tự-nhiên phải có.

Các bộ-phái Phật-giáo chú-trọng nhiều về điểm này và tuy đều căn-cứ trên Kinh điển mà vẫn có những nhận-thức khác nhau. Đặc-tính của Phật-giáo Nguyên-thị là nhắm vào thực-tiến nhiều hơn vào lý-luận, căn-cứ trên giá-trị nhiều hơn trên sự thực, chú-trọng về tinh-thần nhiều hơn về vật-chất. Các bộ-phái Phật-giáo lại có những khuynh-hướng trái ngược : chuộng lý-luận hơn thực-tiến, đặt vấn-đề thế-giới thực-tại quan-trọng như vấn-đề nội-tâm.

Đề xét về các bộ phái, ta có thể tạm phân ra làm ba hệ-thống :

I. — Hệ-thống Nam-Phương Thượng-tọa-bộ

Đặc-biệt lấy thất-luận làm trung-tâm của lập-trường. Các bộ-phái thuộc hệ-thống này chỉ chấp-chặt lấy những Kinh-điển, chỉ thừa-nhận những điều gì mà Kinh-điển đã nói đến. Ở đây, giáo-lý được phân thành hạng mục, định nghĩa rõ-ràng, và

điều tối kỵ là nói đến những gì không có trong Kinh-diễn. Đứng về phương diện hình-thức, các bộ phái trong hệ-thống này có vẻ như còn giữ được lập-trường của Phật-giáo nguyên-thỉ. Nhưng xét kỹ, họ đã mắc phải bệnh hình-thức và không thấy được gì hơn ngoài văn-tự, gi o-điều. Óc phê-phán ở đây không có chỗ dùng, người ta không dám đi sâu vào các vấn-đề, chỉ vì sợ vượt khỏi những hình-thức sẵn có. Trong tinh-thần « hình-thức » ấy, cố-nhiên có một khuynh-hướng thực-tại chất-phác. (réalisme vulgaire) không thể tránh được.

Ví-dụ về « duyên khởi quan », tuy các bộ-phái này chịu khó rất nhiều trong công-tác phân-tích nhưng đứng về phương-diện tổng-hợp, lại tỏ ra rất khiếm-khuyết, đôi khi lúng-túng nữa. Vì thế, dù giáo-đồ của các hệ-thống này có tự-hào rằng họ là đại-biêu cho tinh-thần căn-bản của Phật-giáo nguyên-thỉ đi nữa, thì phân-biệt Thượng-tọa-bộ (tức là Nam Phương Thượng-tọa-bộ) vẫn chỉ có thể là một bộ phái trong các bộ phái mà thôi.

II. — Hệ-thống thuyết-nhất thế Hữu-Bộ

Hệ-thống này thừa kế hệ-thống phân-biệt Thượng-tọa-Bộ, nhưng lại cực-đoan phát-huy khuynh-hướng thực-tại luận của hệ-thống kia, và đã

rời được ít nhiều tính-chất « chất-phác ». Hệ-thống Hữu-Bộ chủ-trương tất cả các pháp « hiện-tượng » dù tâm hay vật cũng đều có tính-cách thực-tại. Tất cả các pháp, dù trong hình-thái nào cũng vậy, không những chỉ tồn-tại trong hiện-tại, mà đã tồn-tại trong quá-khứ và sẽ tồn-tại trong vị-lai. Tiêu-thức của Hữu-Bộ là « Tam-thế thực-hữu, pháp thế hằng-hữu » = (ba đời thực có pháp-thế thường có). Phương-pháp suy-luận và nghiên-cứu của Hữu-Bộ đã rất tinh-vi, họ dùng lý-luận để khuếch-trương thế-lực và gieo-rắc ảnh-hưởng. Do đó, Hữu-Bộ có thể gọi là đại-diện xứng-đáng cho toàn-thế Thượng-tọa-Bộ.

III. — Hệ-thống Đại-chúng-Bộ

Hệ-thống thứ ba này có nhiều điểm ngược hẳn với các hệ-thống trên. Điểm chính của tư-tưởng Đại-chúng-bộ là dùng « chủ-quan chủ-nghĩa » để đối lại với « khách-quan chủ-nghĩa » của Thượng-tọa-hệ. Thực-tại-luận của Thượng-tọa-hệ bị chỉ-trích kịch-liệt. Nhất-thuyết-Bộ của hệ-thống Đại-chúng chủ-trương « Tất cả các pháp đều chỉ là giả-danh không có thực-thế ». Kê-dận-bộ chủ-trương :

« Các hiện-tượng chẳng qua chỉ như tro nguội » Tóm lại, khác với lập-trường thực-tại-luận của Hữu-Hệ, Đại-chúng-Hệ chủ-trương Duy-



tượng-luận : không có sự vật thực-tại mà chỉ có những kết-hợp giả danh được gọi là vạn-pháp luôn luôn chuyển-biến không có thực thể. Lập trường này đưa Đại-chúng-Hệ đến gần lập-trường của Phật-giáo nguyên-thỉ. Bởi vì Phật-giáo nguyên-thỉ xem thế-giới khách quan là một thực tại luôn luôn chuyển-biến theo sự chuyển-biến của nội-tâm, mà Đại-chúng-Hệ lại cũng chủ-trương rằng muôn vàn hiện-tượng đều chỉ là biểu-tượng của tâm cả. Như thế là từ một quan-niệm-luận thực-tiền. Đại-chúng-Hệ tiến lên một bước, khảo sát nhận-thức-luận để đi đến tuyệt-đối duy-tâm-luận mà kết-luận rằng vạn-vật đều chỉ là hiện-tượng của tâm.

Đó là lập-trường tiến-bộ của Đại-chúng-Hệ: Về sau, tư-tưởng Bát-nhã Chân Không chính là do đây mà hưng khởi.

✱

Trên đây là những nét rất đại-cương về chủ-trương của các hệ-thống bộ-phái. Qua những giáo-điều căn-bản của Phật-giáo nguyên-thỉ, ta có thể nhận-định được lập-trường

của hệ-thống kia. Giáo-điều căn-bản của Phật-giáo nguyên-thỉ, không ngoài bốn Diệu-đế: Khô, tập, diệt, đạo. Hai diệu-đế khô và tập là đề thuyết-minh về nhân quả thế-gian, và là yếu-tố duyên-khởi của lưu-chuyển sinh-tử. Hai diệu-đế diệt và đạo là đề thuyết-minh nhân-quả xuất thế, và là yếu-tố hoàn-diệ của lưu-chuyển sinh-tử. Các bộ-phái Phật-giáo tuy nhiều nhưng vấn-đề sở-tại cũng không ngoài bốn diệu-đế ấy.

Các bộ-phái của Thượng-tọa-Hệ lấy khô-đế và tập-đế làm trung-tâm của sự nghiên-cứu nghĩa là hướng sự tìm học về vấn-đề nhân-quả thế-gian. Đề-mục chủ yếu của sự nghiên-cứu là thế-giới thực-tại, với những định-luật duyên-khởi, nhân-quả luân-hồi của thế-giới này. Trong khi Đại-chúng-Hệ nhắm vào vấn-đề thực hiện lý tưởng, tức là vấn đề nhân quả xuất-thế-gian: diệt đế và đạo đế. Quan niệm duy-tượng về thế-giới của Đại-Chúng-Hệ chẳng qua cũng chỉ là đề làm căn cứ cho sự tu hành giải thoát mà thôi.

(Còn nữa)



ĐỨC PHẬT THÍCH-CÁ

— Nguyễn-thiện-Lâu

Nhân dịp Phật Đản chúng tôi nhận được bài sau đây của Ông Nguyễn-thiện-Lâu nguyên nhân-viên Trường Viên Đông Bắc Cổ, đồng thời với Cụ Nguyễn-văn-Tổ và ông Trần-văn-Giáp, tác giả bài « Introduction du Bouddhisme en Annam », đăng trong tập kỷ-yếu của Trường Viên Đông Bắc Cổ.

Ông Nguyễn-thiện-Lâu tóm tắt mấy điểm chính về sự tích Đức Phật Thích-Ca và đưa ra một vài nhận xét về các điểm ấy. Ông cũng sẽ viết về sự truyền bá Đạo Phật sang nước ta.

Chúng tôi xin giới thiệu bài đầu.

Đạo Phật đã thấm nhuần tư tưởng của dân tộc Việt-Nam ta từ biết bao thế kỷ. Đạo Phật thịnh nhất về đời Nhà Đinh, Nhà Tiền Lê, và Nhà Lý, nghĩa là về thế kỷ thứ mười, thứ mười một, thứ mười hai ! Đạo Phật dung hòa với đạo Lão và Đạo Khổng.

Trong thời mà Pháp đô hộ ta, đạo Phật suy : phải chăng vì đã có một sự áp bức nào của thực-dân ?

Tuy vậy làng nào cũng có một cái chùa. Buổi chiều, về mùa hạ, tiếng chuông chùa ngân trên những ruộng lúa, nhìn các bông lúa sẽ chín để nuôi mình, nghe tiếng chuông chùa cảnh tỉnh chúng sinh, người bộ hành dừng bước và suy nghĩ.

ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM TRƯỚC KHI THỰC DÂN PHÁP SANG ĐÂY

Bài nhỏ này nói về sự tích Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni.

Chúng ta nên tra cứu về *năm sinh của Đức Phật*.



Theo một đạo phái thời Ngài sinh vào năm 1028 trước Tây lịch kỷ nguyên (đạo phái ở phía Bắc Ấn-Độ) theo đạo phái khác (ở phía Nam Ấn-Độ), thời Ngài sinh vào năm 624. Các nhà bác học cho rằng Ngài sinh vào năm 558 hay là năm 520.

Dù sao *Phật học đường* (Nam-Việt) đã lấy 563 trước Tây lịch. Ta có thể theo sự khảo cứu của Phật học đường (1)

ĐỨC PHẬT GIÒNG GIỐNG NHƯ THỂ NÀO ?

Nguyên ở Ấn-Độ, có một địa phương tự-trị, một ông vua, một triều đình. Còn nhiều địa phương nữa, địa phương này là *Ca-tỳ-la* và ông vua trị vì : *Tịnh-phan-Vương*, hoàng hậu là *Ma-gia*.

Hoàng hậu có mang, tin này ban ra cho dân chúng.

Rồi một buổi sáng trong khi đi chơi ở trong vườn, Hoàng hậu sinh ra một người con trai.

Người con trai đẻ rơi này ở trong vườn Thượng-Uyển, sẽ là Đức Phật THÍCH-CA MÂU-NI.

Tên mà vua Tịnh-Phan đặt cho Ngài là TẮT-ĐẠT-ĐA.

Quốc dân vui mừng khi được tin nhà vua có Thái-tử.

Nhưng sau bảy ngày khi sinh con, hoàng hậu băng.

Thái-tử thành mồ côi mẹ, nhưng được người dì nuôi thay mẹ.

Rồi dần dần khôn nhớn lên.

Học giỏi, học văn giỏi, học võ giỏi. Nhưng chỉ ở trong cung mà thôi, ít giao thiệp với quần-chúng.

Rồi đến tuổi lấy vợ, nhà vua cho mở một cuộc thi sắc đẹp, mà hoàng tử là người chấm thi. Người con gái đẹp nhất trong địa phương đã được chọn !

Rồi hết cuộc vui này đến cuộc vui khác ở trong cung điện nhà vua.

Đây là đoạn đầu trong cuộc đời Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni. Ngài là một ông hoàng, vợ đẹp nhất nước, sẽ kế nghiệp vua, học giỏi, võ nghệ biết, triều đình kính phục.

Và chúng ta đừng quên rằng chế độ phong-kiến trước đây vài ba ngàn năm, thứ nhất ở Ấn-Độ dành cho các vua, chúa một địa vị

(1) Tổng Hội P.G.V.N hiện giờ đã theo tài liệu nghiên cứu Phật-Giáo thế giới và xác định niên đại giảng sinh vào năm 624 trước Tây lịch — L.T.S.



ra ngoài đời sống của con người thường. Vua chúa sống như một vị thần muốn gì được ấy, sống trong cung cấm không biết thế gian là gì cả.

Vậy Tất-đạt-Đa đã sống như thế, đã là một vị thần, ăn những thứ rất ngon, mặc những của rất đẹp, kẻ hầu người hạ, vợ mới cưới đẹp nhất nước, và sau sẽ lên làm vua. Lên làm vua thời lại còn sung sướng hơn, tuy phải chịu cái lụy việc nước.

Bây giờ sự thế sẽ ra sao ?

Ông hoàng đó sẽ cư xử như thế nào ?



THÁI-TỬ TẤT-ĐẠT-ĐA ĐI TU

Thái-tử Tất-đạt-Đa thường thờ dài : « Ta bị giam hãm trong cung điện xa hoa này, biết bao giờ ra khỏi được ».

Thái-tử khàn khoản xin vua cha ra dạo chơi ngoài bốn cửa thành.

SỰ ĐI CHƠI NÀY QUYẾT ĐỊNH ĐỜI NGÀI

1.— Thái-tử đi xe ra *Cửa Đông* thấy một « Ông già râu tóc bạc phơ lom khom chống gậy bước tới. Dáng điệu khó khăn và mặt nhọc cùng với thân thể ốm gầy nhăn nheo làm cho Thái-tử ngạc nhiên hết sức ».

Thái-tử hỏi người đánh xe mới biết đây là *một người già*, Ngài bèn than rằng ;

« Ôi sống mà như thế thời cuộc sống quả đau thương ! »

2.— Một ngày sau, thái tử đi xe ra *Cửa Nam*, « gặp một người nằm rên xiết bên đường, toàn thân co rúm lại, biểu lộ một sự đau đớn vô ngần. »

Thái-tử hỏi người đánh xe mới biết đây là *một người mắc bệnh*.

3.— Hôm sau, Thái-tử đi xe ra *Cửa Tây* « Lần này xe đi được một khoảng xa thời Ngài trông thấy một người chết nằm ngang giữa đường. ruồi bâu chằng chịt trên xác thân người chết trông đến ghê tởm ».

4.— Thái tử sau mấy hôm cho xe ra đi *Cửa Bắc* « Xe đi được vài dặm, Thái-tử gặp một nhà Đạo sĩ... Người ấy khoác một áo cà sa màu vàng, tóc râu cạo sạch, dáng điệu khoan thai... » Thái-tử cung kính nói chuyện với đạo-sĩ. Đạo-sĩ trả lời như sau này : « Đạo sĩ là người dứt bỏ trần tục, tìm tòi đạo lý để mong được giác-ngộ mà cứu vớt chúng sinh thoát khỏi mọi sự khổ não ở đời. Có lẽ điện-hạ cũng sẽ dứt bỏ trần thế để tìm đạo cứu chúng sinh chăng ? »



Trong lịch sử Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, chi tiết này rất quý vì cho ta biết là sự tu hành có các nhà đạo sĩ mặc áo cà sa màu vàng, tóc râu cạo sạch đã có trước khi Thái-tử Tất-đạt-Đa đi tu, đã có từ lâu rồi. Do đạo nào đặt ra ?

Ta nên nhớ là ở Ấn-Độ, ngay đến bây giờ, có rất nhiều đạo giáo.

Thái tử về suy nghĩ. Rồi Ngài xin với nhà vua, xin với bà mẹ đi được đi tu. Nhưng Ngài không được phép. Rồi một buổi sáng mờ mờ, sau một cuộc dạ hội Thái-tử cùng với một người coi ngựa, chính là người đã đánh xe cho Thái-tử, đem ngựa lên ra khỏi thành. Hai thầy trò cùng lên lưng ngựa, qua một cái suối, rồi Thái-tử sai đem ngựa về cung. Còn Ngài một mình, đi bộ... đi tìm đạo... đi vào miền rừng núi.

Thái-tử dùng kiếm cắt tóc và đòi quần áo hoàng-tử lấy một bộ áo cà-sa. Rồi Ngài ngồi dưới gốc cây "tâm trí chuyên-chú về việc tìm chân-lý".

Chân lý là gì ?

Tìm được chân-lý là tìm được đạo,

Tìm được đạo thời phải hành đạo.

Thái-tử Tất-đạt-Đa không còn nữa. Đức Phật bắt đầu... Tôi muốn nói rằng tư cách Phật của Tất-đạt-Đa đã có từ lâu nhưng bây giờ Ngài đi tu... để thành Phật cứu sinh độ thế.



Tất-đạt-Đa mặc áo cà-sa đi tìm chân-lý. Có 3 giai đoạn trong sự đi tìm này :

1.— **Giai đoạn thứ nhất** : Ngài tới một khu rừng sâu, gặp một đạo sĩ đang tu khổ hạnh ở đấy. Mặc áo cỏ, có khi hai ba hôm mới ăn uống một lần, mà chỉ ăn trái cây, ngồi tâm niệm dưới gốc cây, có khi nằm lăn trên đất bụi, lại có khi nhai lá đắng để cho lưỡi tê đi, ăn không biết ngon.

Tất-đạt-Đa hỏi đạo-sĩ tại sao lại tu như thế ? Đạo-sĩ trả lời tu là như thế này để « hành hạ xác thân cho rã rời và như khói trầm sẽ bay lên khi gỗ trầm bị thiêu cháy, linh hồn chúng ta cũng sẽ bay lên cõi thượng thiên và giải-thoát khỏi cái xác thân ô trọc này. »

2.— **Giai-đoạn thứ hai**. Ngài bỏ đạo-sĩ và tìm đến hai vị đại-tiên. Hai vị tiên bảo Ngài rằng : « Muốn khỏi khổ phải theo đạo tứ thiên ». Nghĩa là phải giới cấm, diệt nhiễm-động, đạt chánh-niệm, đạt thanh-tịnh. Đạt được đạo đến mức tứ-thiên thời sẽ nhập "phi tướng xứ" nghĩa là sẽ bất sinh, bất diệt.



3. — **Giai-đoạn thứ ba.** Ngài thấy thuyết của vị đạo-sĩ và của hai vị tiên chưa được đầy đủ nên Ngài đi tu riêng, đề tìm chân-lý.

Ngài đi vào một khu rừng thanh vắng; nhưng ở đây Ngài gặp năm người đồng xứ cùng ra sức gắng công tu luyện.

Ngài tìm một hang đá.

Ở hang này, Ngài tu phép Tứ-thiền. Ngài tập phép nhịn hơi thở « cho tâm trí mở mang, sáng tỏ. Rồi cố trí tập-trung tư-tưởng, đánh bật ra khỏi trí óc những trông mong, những đối tượng của ý thức dễ dễ dàng quan sát đạo-lý. » Đây là phép « thiền-định » Ngài chỉ ăn có một ít trái cây mà thôi. Ngồi thiền-định ở trên đất, dưới bóng cây bồ-đề, chân xếp vành tròn, hai tay chấp lại, đề lên trán, thẳng sống mũi; dù mưa, dù gió, vẫn cứ ngồi, từ sáng đến khuya, nhịn ăn, nhịn thở.

Ngài tu như thế trong sáu năm.

Trong sáu năm tu thiền-định như thế, Ngài đã biết những gì ?

Lý trí Ngài làm việc và dần dần Ngài tìm được đạo mà Ngài sẽ đem truyền bá cho dân chúng.

Một hôm xảy ra một việc như sau này.

Vì khổ hạnh quá nên cơ thể Ngài dần dần yếu đi. Rồi Ngài muốn đi ra bờ sông, sức đi không nổi và Ngài ngã quỵ xuống dưới một gốc cây.

Chúng ta biết rằng xã hội Ấn-độ, ngay đến bây giờ, chia ra hàng trăm giai cấp (castes) và một giai cấp bị khinh bỉ nhất, như là ăn mày, là giai cấp Pa-ri-a (caste des parias), không đến gần những người thuộc giai cấp khác; nếu đến gần thì bị đánh đuổi.

Thái-tử Tất-đạt-Đa sau sáu năm tu hành khổ hạnh yếu đuối quá, nằm gục dưới một gốc cây.

Có một người con gái thuộc giai cấp Pa-ri-a đi qua, thấy Ngài là một người nằm gục ở gốc cây bèn đưa Ngài một bát sữa... không nghĩ rằng cho người ta một bát sữa có thể bị người ta đã không thèm nhận lại mảnh, đuổi đi.

Ngài uống và bảo rót cho Ngài bát sữa thứ hai. Rồi Ngài bảo người con gái ấy rằng :

« Ta không phân biệt ta là giòng quý tộc còn người là giòng Pa-ri-a. Người cũng là người như ta vậy. Không thể có một hố giai cấp chia rẽ giữa người với người, không có sự phân biệt sang hèn giữa những người cũng là đầu đen máu đỏ. »



Câu này Ngài dạy, chúng ta phải suy nghĩ.

Dân xóm ven rừng được tin Ngài tu hành và đức độ như thế bèn cứ hàng ngày, đúng giữa trưa, đem sữa và mật ong lại nuôi Ngài. Dân xóm đây có lẽ toàn là dân Pa-ri-a cả.

Chúng ta nhận thấy trong giai-đoạn lịch-sử này của Đức Phật mấy điểm nên chú ý.

1.— Ngài đi tu một cách rất khổ hạnh. Có thể suy yếu đến nỗi ngã gục ở gốc cây.

2.— Nhờ một người con gái thuộc giống Pa-ri-a cứu sống, lại nhờ người Pa-ri-a, trưa trưa, đem thức ăn nuôi Ngài. Ngài chỉ ăn mỗi ngày một bữa, ăn đẽ mà sống chay tịnh, đẽ điều hòa thần và xác.

Phải chăng đây là nguyên nhân của sự *phát bố thí cho hành khất* và sự *nhà chùa chỉ được sống về sự bố thí của thập phương và chỉ được ăn chay tịnh một ngày một bữa cơm trưa mà thôi?*

Có người con gái quý phái đem dâng sữa trong một cái chén vàng. Ngài uống sữa. Rồi Ngài ra sông, ném chén vàng xuống sông : chén này nổi trên mặt nước và trôi ngược. Có lẽ là vì ở gần bờ, (có luồng nước ngược) dù sao, Ngài đã không giữ lấy chén vàng.

Ngài xuống sông tắm. Khi lên, thấy một đứa trẻ cắt cỏ đi về. Đứa trẻ cho Ngài một bó cỏ. Ngài trải cỏ dưới gốc một cây Bồ-đề to lớn và tự nói :

« Dù thịt xương ta có tiêu tan, dù gan cốt ta có rời rã, ta cũng sẽ không rời gốc cây Bồ-đề này nếu ta chưa tìm ra được Đạo. »

Và « Ngài an nhiên ngồi xuống theo kiểu *kiết-già* tréo hai chân lại. »

Ngồi theo kiểu này, hai chân quắt lấy nhau (chân xếp vành tròn), mười ngón tay quắt lấy nhau để trên chân, diện lực ở trong người không thoát ra ngoài được. Ngài suy nghĩ, Ngài tu phép thiền định. Phép tu này không riêng của Ngài ; nhiều giáo phái Ấn-độ cũng tu như thế. Ở dưới gốc cây to, phần nhiều là cây bồ-đề, có những đạo-sĩ (derviche) ngồi thiền-định. Các đạo-sĩ này phần nhiều theo đạo Bà-la-môn.

(Còn tiếp)

PHƯƠNG-PHÁP PHẬT - HỌC

(Tiếp theo)

hiện tượng tâm lý vốn là những hiện tượng hữu ngã (personnels) vì những kẻ khác không thể thấy biết được những hiện tượng tâm lý của chính mình. Như thế nghĩa là đem toàn bộ sinh hoạt tinh thần (sinh hoạt lý trí, sinh hoạt cảm tình, sinh hoạt, hoạt động) để làm đối-tượng cho riêng lý-trí. Hiểu được những đối tượng ấy một cách thật rõ ràng và căn cứ trên lời Phật dạy về những tâm pháp tối khó hiểu khó nhận như thất thức và bát thức, để dùng phương pháp thuyên định trực nhận được các hành tướng vi tế phức tạp của các pháp ấy mà trí óc thông thường không đạt tới được.

Thấu hiểu rõ ràng các thức sáu xa, khó hiểu như thất thức và bát thức ấy bằng thuyên-định, không phải là chuyện dễ, mà phải đi qua rất nhiều công phu tu-tập, quán-sát, tham thuyên. Nhưng muốn thấu rõ hành tướng của ý thức và nắm

thức trước cùng các hiện tượng tâm-lý bao bọc xung quanh các thức ấy là một việc dễ mà với phương-pháp nội-quan, mọi người đều có thể làm được. Sự hiểu biết ấy cũng rất có lợi cho công việc phá trừ những kiến chấp vững chắc của mỗi người.

Các nhà tâm-lý-học chủ trương thuyết thực nghiệm (Positivisme) trong ấy có Auguste Comte cho rằng lấy tâm mà quán sát lại tâm là một việc không thể làm được. Người ta không thể vừa đóng kịch vừa xem kịch. Nhưng ta biết rằng Auguste Comte đã nghĩ sai vì trong toàn bộ tinh-thần, gồm có cả lý trí, tình cảm hoạt động mà khi cụ để quán sát ấy chỉ là một phần trong toàn bộ : lý trí. Hơn nữa, các hiện-tượng tâm-lý không phải là những hiện-tượng trong không gian ; không thể đem đóng kịch xem kịch để ví dụ được, vì tâm-lý quan sát tâm-lý không cần phải



đứng xa như người xem kịch phải đứng ở ngoài nhìn lên người đóng kịch đứng ở sân khấu. Người đóng kịch lại cũng có thể vừa đóng kịch vừa biết mình đóng kịch gì, nói những gì, múa men những gì, mặc những áo quần gì, chứ không phải không thấy mình làm gì ráo.

Hơn nữa, kịch sĩ có thể biết mình đã nói và làm những gì rồi, nghĩa là biết được quá khứ, và đang biết mình nói và làm gì, vì tất cả những gì đang nói đang làm ấy cũng đang trở thành quá khứ. Ta có thể quyết chắc được rằng có thể tìm được tâm trí vì :

1) Nó có thể tìm hiểu được dễ dàng của nó nay không phải là nó nữa mà có thể gọi là đối tượng của nó. Tất cả những hiện tượng tâm-lý đã được phát hiện không phải đã biến mất mà vẫn còn trong ký ức — trong *Alaigia* — Chính đó là những đối tượng để nghiên cứu.

2) Nó có thể tìm hiểu được hiện tại của nó vì là hiện tại mới nói xong thì đã trở thành dĩ vãng. Người có lương tri, thường hay kiểm điểm những tư-tưởng của mình, ý-thức được những tư-tưởng mình hiện có, điều phục nó để dùng cho những tư-tưởng xấu biến thành lời nói và cử chỉ. Nhiều khi cơn giận tan đi vì ta biết được rằng ta đang giận.

Tóm lại là ta có thể dùng lý-trí để quan sát tất cả sinh hoạt tâm-lý của chúng ta, trừ trường hợp hiện tại mà toàn thể các sinh-hoạt tâm-lý ấy bị mờ ám bởi một tình trạng tâm-lý quá mạnh như đam mê đến cực độ chẳng hạn.



Tuy rằng phương pháp tự quán rất cần thiết, song chưa đủ. Một là vì bản ngã mờ đi những sự thực không dám công nhận. Hai là những hiện-tượng tâm-lý dĩ-vãng khi sống lại trong tâm trí không còn được màu sắc đậm đà như khi mới phát sinh. Ba là chỉ biết được những hiện-tượng tâm-lý riêng biệt của cá nhân mình (hoặc thấp kém hoặc cao hơn) chứ không biết được những hiện-tượng tâm-lý chung cho cả muôn người, hơn nữa, không biết được những hiện-tượng tâm-lý của những người mà nhân cách và phẩm tính khác xa mình.

Do đó, phải dùng phương pháp tha quán nghĩa là nhìn xét những hiện-tượng tâm-lý của kẻ khác căn cứ trên :

- 1) Những cử chỉ phát biểu ý muốn.
- 2) Những hiện-tượng sinh-lý phát sinh bởi tâm-lý.
- 3) Những ngôn ngữ hoạt động.
- 4) Những thi phẩm văn chương.

5) Những chứng bệnh tâm-lý v.v.

Phương pháp tha quán ấy, tâm-lý-học gọi là phương pháp khách-quan (méthode objective). Phương pháp khách quan này bổ túc cho phương pháp nội quan một cách đặc lực. Nhưng sở dĩ tâm-lý-học thông thường có nhiều giải quyết không xác đáng về các hiện tượng tâm-lý, vì nó không biết rằng ngoài ý-thức còn có thất-thức và bát-thức, nguyên do cho tất cả những sự phát sinh các hiện-tượng tâm-lý. Ví dụ: thất thức chẳng hạn, với những kiến chấp ngã-si, ngã-mạn, ngã-ái, là lối giải thích rất minh bạch nhiều hiện tượng tâm-lý khó giải quyết.

Đại khái, phép tự-quán và tha-quán đề hiệu pháp-tướng là như thế.

PHÁP TỨ Y

Trong khi nghiên-cứu tu-tập, tinh sự nghĩa lý, rất cần phải cần thận. Chỉ cần nóng nảy một chút, cố chấp một chút, công việc nghiên cứu sẽ thành khó khăn. Phải theo pháp tứ y của Phật đã dạy. Tứ y là bốn điều cần y theo trong khi tu học :

Y pháp bất y nhân : Y cứ ở giáo-pháp chứ đừng y cứ nơi người. Nhiều khi vì thấy người dạy mình không có một tư cách xứng đáng, hoặc họ nói được mà làm không được hoặc họ làm ngược lại cái

mà họ nói, hoặc họ khó chịu, nóng nảy, tự phụ, mà người học vội sinh tâm chán nản, không chịu học, lấy cớ rằng tư cách họ như thế thì làm gì dạy được ai. Nhưng hãy cần thận : trong con người mà ta thấy có rất nhiều tính xấu ấy, có đựng một vật quý : phương tiện tìm đạo, đó là giáo-ly của Phật. Đừng vội nong nòi mà bỏ của quý ấy. Luận Maha-điền có câu : “ Trong một cái đày đơ, có một hạt trân châu ”. Người học đạo cũng thế, cần nhẫn nhịn những cái xấu của bất cứ : hoặc thầy hoặc bạn, khi những kẻ ấy có thể dạy được giáo-ly, được phương tiện tìm đạo cho mình. Họ có phương tiện nhưng họ không có năng lực. Mình học lấy cái phương tiện ấy, nhưng không học cái “ thiếu năng lực ” của họ thì thôi.

Y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh : Y cứ ở những kinh nghĩa lý hoàn toàn chứ đừng y cứ vào những kinh điển không có nghĩa lý hoàn toàn. Căn cứ trình độ chứng sinh sai khác nhau, nên pháp môn Phật dạy rất nhiều đề có đủ cho tất cả mọi trình độ. Do đó, lời Phật dạy có khi đúng với chân-ly tuyệt đối, có khi không. Bởi thế đừng có cho rằng những kinh Phật dạy không ăn hợp nhau, cái không ăn hợp nhau ấy sở dĩ có là do bản ý độ sinh của Phật.

(Còn tiếp)



BẢN BÁO CÁO

CỦA MỘT NHÀ KHOA-HỌC SAU
KHI NGHIÊN-CỨU PHẬT-GIÁO

Tác-giả : Kỹ Sư UÔNG-TRÍ-BIỂU

Dịch-giả: Thầy TRÍ-ĐỨC và HỒNG-NGUYỄN

Từ thuyết nhân duyên hòa hợp mà thành lập một thuyết mọi người đều biết, là luật nhân quả. Như người ta đã nói « trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu », suy rộng ra nhân sinh thì làm lành được lành, làm dữ bị dữ. Đó là một luận lý của Phật-giáo đã tuyên truyền rất rộng và ăn sâu vào nhân dân Trung-quốc cho đến những người không phải tín-dồ Phật-giáo cũng tin tưởng. Lý-luận này đem duy-thức-học ra giảng rất dễ. Bởi vì duy-thức-học là một môn học kết-cấu giữa tâm và vật. Duy-thức-học phân tích thành phần của tâm rất nhỏ nhiệm không khác nào các nhà hóa học đã phân tích thành phần vật chất. Về hóa học ta có rất nhiều công-thức các chất hữu-cơ và các chất vô-cơ, tóm lại các chất hóa-hợp không ngoài 92 nguyên chất. Về các nhà duy-thức-học thì có thể chỉ cho ta biết trong một động tác dẫn ra bao nhiêu tâm-vương, tâm-sở, đại-tùy, tiểu-tùy, phiền-não, tóm lại không ra ngoài một trăm pháp, (xin xem Bách pháp minh môn luận). Vì vậy duy-thức-học nên gọi là « tâm-lý hóa-học ». Tôi thành khẩn kêu gọi các nhà tâm-lý học trong nước tôi nên đề một thời gian đọc duy-thức-học, nhất định có thể thông đạt đến lĩnh vực ấy.

Y vào duy-thức-học mà giảng thì mỗi chúng ta khi cử tâm động niệm thì trong thửa ruộng Bát-thức đã gieo vào một hạt giống. Hạt giống này sẽ sinh trưởng làm thành một sinh vật có thân thể khí quan và hoàn cảnh chung quanh của nó. Chẳng hạn hạt giống lành thì sẽ sanh thành một sinh vật có thân thể khí quan cao đẳng hơn và hoàn cảnh tốt đẹp, còn hạt giống dữ thì trái lại. Dem khoa học mà phán đoán, từ một ý niệm muốn tìm hiểu ấy trở thành vật chất hữu hình có thể có khả năng như thế được không? Tôi cho là có thể được. Ở đoạn trước mục 5 tiết B không phải tôi đã suy

cứu đến vật chất về sự quan hệ giữa : năng, lực, động, không gian, thời gian v.v... rồi sao ? Không gian, thời gian và tốc-xuất (đơn vị vận tốc tính bằng giây) cấu thành năng lực và yếu tố vật chất. Theo bách pháp thì gọi là phương, thời, thế-tốc, chẳng qua xưa và nay tên gọi không giống nhau thôi. Phương, thời, thế-tốc, thuộc về trong hai mươi bốn món tâm-bất-tương-ứng-hành-pháp. Tâm-bất-tương-ứng-hành-pháp tức là không phải chỉ riêng tương-ứng với tâm pháp, phải đợi sau khi tâm và sắc tương-ứng mới thành hình. Khi chúng ta khởi một ý-niệm đối với vật, ngay lúc tâm và vật đối nhau liền có thời, phương, thế-tốc phát hiện. Có thời, phương tức là có thế-tốc. Thế-tốc cùng với vật hòa hợp thành lực (Force, $F = ma = \frac{mP}{t^2}$)

Lực hòa hợp với không gian thì có năng (Energy = Fd), có năng tức có vật. Vật chất này cùng với tâm niệm tương đối thì lại tạo thành một vật chất khác. Tóm lại hiện nay thay cho vật lý học chứng thật rằng vật chất và năng lực có thể biến đổi lẫn nhau, không chỉ đem năng lực và vật chất phờ thành một và cũng có thể khiến cho tâm vật dung thông làm một. Vật chất đã cùng thời gian, không gian quan hệ mật thiết mà sinh (theo cựu vật lý học nhận là không tương quan) mà thời gian, không gian lại là sự liên hệ của tâm vật. Cho nên tâm vật còn có nghĩa : đồng sinh diệt tồn vong v.v.. Eời một niệm khởi lên thì thời gian, không gian, động lực, năng lực, vật chất một loạt phát hiện do đó có thể chứng minh rằng mỗi cử tâm động niệm đều có thể tạo thành hoàn cảnh và khí quan vật chất. Còn như tâm niệm gì thì tạo ra vật chất gì, trải qua những thứ tự gì thì hiện nay trong giới vật chất lý học hãỵ còn chưa thật hành kinh nghiệm, không dám ức đạt. Sau này chờ khi phương pháp vật chất và năng lực giao biến công bố sẽ có giải đáp chính xác. Phật dạy rằng dù là thiên đàng, địa ngục, nhân-gian hay quỷ súc cũng đều do tâm tạo. Tất cả tội phước lành dữ đều do chúng sanh gây nên rồi tự chịu lấy, hoàn toàn không phải do Thượng đế hay Thiên thần nào cả. Trong kinh có câu : « Dẫu cho trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo ra không thể mất. Khi nhân duyên đã đến là phải chịu lấy quả báo ». Đó là luật nhân quả của Phật-giáo đã ăn sâu vào lòng người và đã được khoa học hiện nay ủng hộ, không còn là sự mê tín của hàng ngu phu, ngu phụ.

D— Ba tự tánh.

Phật dạy rằng tất cả pháp tướng trong thế gian có thể chia làm ba tự tánh :

- 1— Biến kế sở chấp tánh
- 2— Y tha khởi tánh



3— Viên thành thật tánh.

Y tha khởi tánh nghĩa là tự thân của tất cả sự vật đều nương vào nhân duyên hòa hợp của sự vật khác mà sinh ra. Chẳng hạn một vật A phải do nhân duyên hòa hợp các vật B, C, D làm thành, mà B lại do nhân duyên hòa hợp của C, D v.v... làm thành. Nếu chúng ta căn cứ trên những sự vật A, B v.v... đưa ra những ý kiến hoặc thành lập những học thuyết thì gọi là biến kế sở chấp tánh. Nếu đối với y-tha-khởi-tánh chúng ta không khởi ý thức phân biệt chủ quan chỉ có sự lý khách quan tức là viên thành thật tánh. Lấy khoa học giải thích thì y tha khởi tánh tức là sự lý khách quan. Ví dụ như tùy theo sự quan hệ giữa thời gian không gian mà thành lập quan niệm về "động"; do sự vận động của vật mà thành lập quan niệm về "lực"; lại từ trên sự quan hệ giữa "lực" và không gian mà thành lập quan niệm về "năng"; tất cả những quan niệm ấy đều thuộc về y tha khởi tánh. Nếu từ trên cái "năng lực" ấy chúng ta có sự phân biệt suy lường cho rằng năng lực thường còn không tiêu diệt mà lập ra "luật năng lực bất diệt". Điều đó hẳn không phải là chân-lý có thể dựa vào năng lực mà qui định được. Hiện nay sau khi thuyết năng lực và vật chất hợp nhất ra đời, khoa học giới đã nhận rằng năng lực có thể tiêu diệt để biến thành cái không phải năng lực, vì thế mà cái định luật trước không còn thích dụng nữa. Phật học không phản đối sự tồn tại của sự vật khách quan cho nên nói rằng có y tha khởi tánh, nhưng có chân và vọng khác nhau; chỉ đối với sự phân biệt suy lường chủ quan hoặc những học thuyết lập lên với phương pháp quy nạp không hoàn toàn thì ? ví như lông rùa sừng thỏ đều là ảo tưởng mà thôi. Con người Phật giáo chỉ thừa nhận sự thật khách quan, sáng tỏ lý y tha duyên sanh, không có ảo tưởng phân biệt, đó chính là viên thành thật tánh.

Tự-nhiên-khoa-học-giới dùng phương pháp diễn dịch và phương pháp quy nạp (trừ những phương pháp quy nạp không kiện toàn) mà rút ra được sự nhận thức. Theo tôi thì cái trí thức đó đều là y tha khởi tánh, không thể tin được. Chẳng hạn sự kiến lập của khoa toán học đều dùng phép diễn dịch. Nghĩa là dựa vào những công-thức tức là vài điều đã được đa số công nhận đem liên hệ suy đến những điều chưa biết. Đó là y tha khởi tánh. Lại như phép thống kê, dựa vào nhiều sự thật, quy nạp làm một lý luận, đó cũng là y tha khởi tánh. Nếu chỉ dùng phép quy nạp không kiện toàn, đem một bộ phận sự thật lập luận thì đã mất hẳn chọn tượng của sự thật, lại còn thêm vào vọng chấp chủ quan mà thành ra biến kế sở chấp tánh.

(còn tiếp)



SUỐI TÙ"

Kịch của **VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG**

(Những tư nhân hay đoàn thể nào, kể cả Gia-Đình Phật-Tử, muốn trình diễn vở kịch này, phải được sự đồng ý của Tác-giả).

MÀN HAI

CẢNH. — *Tại tư-dình của quan Đại-thần Huyền-Vi. Nhà làm theo kiểu Ấn-độ, cột bằng đá to tướng, sau cùng phía tả có một cửa cuốn cao rộng, có rèm che, ăn thông với các phòng phía sau. Phía hữu có một cái sập đề gàn trong góc, ở trước có màn cuốn lên. Tường phía tả có một cửa sổ, có thể mở nhìn ra phía đường được. Ở giữa phòng có một cái bàn và hai cái ghế bành kiểu xưa dùng để khách ngồi. Cửa đi vào ở phía hữu, đằng trước có một lan can.*

THỜI GIAN. — *Vào khoảng 3 giờ chiều, trời nắng ráo.*

NHÂN VẬT :

- Thái-nữ Trường-Son,
- Công-nương Quỳnh-Như,
- Đại-thần Huyền-Vi,
- Một người lính.

Ở hậu-trường vọng ra tiếng ồn ào, náo nhiệt của đám dân chúng đang chứng kiến cuộc thiêu sống Thượng-Lạc-Vương trên giàn hỏa và tiếng lửa reo cháy...



MÀN MỞ

THÁI-TỬ TRƯỜNG-SƠN.— (Cải trang thành ông lão, râu bạc, lưng còng, đang chống chiếc gậy đứng trước lan-can của tư-dinh Đại-thần Huyền-Vi, mắt lão liên nhìn vào trong nhà. Nhà vắng vẻ Thái-tử đằng hắng vài tiếng, vẫn không thấy trong nhà có ai ra. Thái-tử lấy chiếc gậy gõ vài ba cái vào lan-can. Từ phòng sau Công-nương Quỳnh-Như đi vội ra).

QUỲNH-NHƯ.— (vừa đi vừa nói) : Chết ! gia-nhân đi xem vắng cả ! Thưa Cụ hỏi ai ?

TRƯỜNG-SƠN.— Thưa Công-nương, đây có phải là tư-dinh của Huyền-Vi Đại-thần không ?

QUỲNH-NHƯ.— Thưa, chính đây ạ.

TRƯỜNG-SƠN.— Thế thì may quá. Đại-thần có nhà không ?

QUỲNH-NHƯ.— Thưa, phụ-thân tôi đi vắng. Xin rước Cụ vào nhà nghỉ đã.

TRƯỜNG-SƠN (đi vào nhà) : — Vâng ! tôi ở xa mới đến. Xưa kia cũng là bạn đồng liêu với Cụ nhà. Hôm nay nghe có cuộc xử thiêu Cụ-vương Thường-Lạc, tôi về xem, nhân tiện đường ghé lại thăm Cụ nhà.

QUỲNH-NHƯ : — Xin rước Cụ ngồi. Cụ mà cũng thích xem cảnh xử thiêu ấy à ?

TRƯỜNG-SƠN (ngồi xuống) : — Thích lắm chứ ! có gì thích bằng được xem một người đang vùng vẫy, quần quai trên giàn hỏa, trong lúc những ngọn lửa như những cái lưới đỏ của bầy thú dữ thi nhau liếm, tấp, giựt xé từng miếng thịt...

(Quỳnh-Như nghe tỏ vẻ ghê tởm, hai tay vtu vào thân áo, mắt mở to, rùng mình, quay đầu đi như không muốn nghe tiếp)

TRƯỜNG-SƠN (nhìn thấy, dừng lại một giây, rồi tiếp) : — Sao, Công-Nương không thích nghe những chuyện ấy à ? Vui lắm chứ. Suốt đời có mấy lần được nghe những tiếng rên, tiếng thét, tiếng rú của nạn-nhân, à quên, của tội-nhân trên giàn hỏa, nhất là khi tội-nhân ấy là một Ông Vua... Sao Công-nương không đi xem cho biết ? Cụ nhà đi xem rồi chắc ?

QUỲNH-NHƯ : — Vâng, phụ-thân tôi phải đi dự cùng triều-thần ; hôm nay, có cả Đại-lực-Vương đến dự nữa.



TRƯỜNG-SƠN : — Ừ, thế nào cũng có. Còn gì thích thú bằng được thấy kẻ thù của mình giã dũa, rên siết trên giàn hỏa. Và tôi chắc e cũng có cả Thái-tử Trường-Sơn, con của Cựu-vương Thường-Lạc nữa.

QUỲNH-NHƯ : — Tôi chắc Thái-Tử Trường-Sơn đã tẩu thoát rồi. Nếu Thái-tử muốn nuôi chí phục thù, thì Thái-tử phải cần-thận lánh xa chốn này.

TRƯỜNG-SƠN : — Không, theo ý tôi, nếu Thái-tử Trường-Sơn muốn nuôi chí phục thù thì phải về đây chứng kiến cái cuộc hỏa-thiêu này chứ. Chứng kiến để in sâu vào tâm khảm cái cảnh quằn quại rẫy chết của người cha trên giàn-hỏa để hằng chí phục thù chứ.

QUỲNH-NHƯ : — Nhưng nếu Thái-tử về đây thì chẳng khác gì tự vào hang cọp. Làm sao tránh khỏi những con mắt dò xét cần mật của quan quân canh phòng được ?

TRƯỜNG-SƠN : Sao lại không tránh được ? (*Nhìn quanh như để dò xem có ai khác*) Sao lại không tránh được ? Chỉ cần thêm bộ râu giả này vào (*bức chòm râu ra*), thêm một ít than và phấn (*lấy vạt áo lên lau mặt*), chiếc gậy và lưng còm (*để chiếc gậy xuống ghế và ngồi thẳng dậy*) là đi đâu cũng được...

QUỲNH-NHƯ (*Nhận ra Trường-Sơn, kêu lên*) : Thái-tử Trường-Sơn ! (*chạy đến sụp quỳ bên chân Trường-Sơn, tựa đầu vào vế chàng, khóc nức nở*)

TRƯỜNG-SƠN (*xích ra, bảo*) : — Công-Nương đừng làm như thế, gia-nhân thấy được bất tiện.

QUỲNH-NHƯ (*ngước lên, mắt nhòa nước mắt*) : — Gia-nhân đều đi xem hỏa thiêu tất cả. Thái-tử hãy để cho em được khóc, được than, được chia sẻ nỗi đau thương cùng tột với Thái-tử, được trút ra đây nỗi xót xa vô tận khi được tin Cựu-hoàng bị bắt.

TRƯỜNG-SƠN (*đứng dậy*) : — Giờ đây không phải là lúc khóc than mềm yếu. Nếu em còn nghĩ đến tình cũ của chúng ta, thì hãy nung thêm cho ta ngọn lửa phục thù, mài thêm cho ta lưỡi gươm rửa hận. Khóc than nào có ích gì, chỉ thêm nhụt lòng chiến-đấu.

Hậu-trường vang dội một hồi trống và tiếng xôn xao của người đi xem) : — Kia, hình như trống lệnh đã bắt đầu cuộc hỏa thiêu, ta phải cải trang đi ra nhìn mặt người cha thân yêu một lần cuối.

QUỲNH-NHƯ (*đứng dậy, dang tay cản*) : — Không, Thái-tử không nên đi, em sợ khó bảo toàn tánh mạng. Pháp trường ở sát ngay



dây. Nếu Thái-tử muốn, chúng ta có thể mở cửa sổ đứng đây nhìn ra rõ lắm. (Quỳnh-Như đến mở cửa sổ phía tay trái mình; ánh lửa hồng ở giàn hỏa ùa vào phòng một lần với những tiếng xôn xao, khi hai cánh cửa sổ mở ra. Thái-tử đi theo, đến đứng phía sau Quỳnh-Như).

QUỲNH-NHƯ (Với tay kéo một cánh cửa, khép nửa chừng cho bớt lộ liễu) : — Thái-tử hãy đứng phía sau em để tránh những con mắt nhòm ngó ở ngoài. Ngọn lửa đã bắt đầu bùng cháy. Thái-tử có thấy rõ không? Cựu-Hoàng vẫn bình tĩnh quá! Người ta có cảm tưởng như Ngài không nghe, không thấy ngọn lửa đỏ đang găm ghè, hùng hổ chồm tới, liếm quanh Ngài, chụp lấy Ngài... À, mà hình như Ngài đang nói gì (lắng nghe, rồi xây lui hỏi Trường-Sơn) : — Thái-tử có nghe Ngài đang nói gì đấy không?

(Hậu trường có tiếng ồn ào xen lẫn tiếng lửa cháy)

TRƯỜNG-SƠN (Nãy giờ đứng sau lưng Quỳnh-Như, tất cả tâm hồn căng thẳng, tay vấu vào vạt áo, vò nát trong tay, mắt trừng trừng nhìn qua cửa sổ. Nghe Quỳnh-Như hỏi, Trường-Sơn hơi chồm tới để nghe rồi trả lời) : — Không nghe gì hết, tiếng ồn ào của dân chúng át mất cả. Có lẽ lại cần dặn phải mở rộng lòng từ-bi, phải tưới tình thương lên thù hận chứ gì! (Cười tức tưởi) Tình thương! từ-bi! để cho quân tàn bạo tự-do làm ác!

QUỲNH-NHƯ (lắng nghe) : Thái-tử, nghe không? hình như có tiếng nước nở than khóc, lẫn tiếng la ó của dân chúng.

(Hậu trường có tiếng khóc tẩm tức, tiếng chào xáo, tiếng lửa reo cháy, tiếng nô của những ống tre và tiếng gào thét : « Hãy mở trời, thả Ngài ra! »)

QUỲNH-NHƯ (Bồng rùng mình, thụt lùi, cắn mạnh vào nắm tay mà nãy giờ mà nàng để sẵn trên môi, như để trấn áp một tiếng kêu hãi hùng) : — Ghê quá! từng mảnh áo vụn cháy, bay lên! (đưa tay lên che mặt, quay hẳn người lại, gục đầu trước ngực Trường-Sơn, khóc tẩm tức) : — Không, em sợ lắm! em không muốn nhìn thấy nữa.

TRƯỜNG-SƠN (Nãy giờ, đôi mắt trừng trừng phản chiếu ánh lửa đỏ trên giàn hỏa, hai hàm răng cắn chặt, làm nổi bật những bắp thịt ở quai hàm, tay mặt chắp sau lưng, nắm lưng áo thỉnh thoảng lại dặt, dặt... để cho hả cơn giận. Khi thấy Quỳnh-Như quay lui khóc, liền nắm hai cánh tay nàng, bắt quay trở lại, phía cửa sổ, nói một thôi,

giọng đầy căm thù) : — Không ! phải quay lại, mở mắt cho to mà nhìn cho rõ cảnh hành hình tàn ác, dã man ấy, hãy in sâu vào mắt những cái dầy dựa ấy, hãy thu vào tai tiếng xèo xèo của thịt da đang cháy ấy, hít vào tận buồng phổi cái mùi khét nồng của xương tóc ấy, hãy biến ngọn lửa đang cháy rùng rục trên giàn hỏa ấy thành những ngọn lửa căm thù trong lòng chúng ta, hãy để cho nó cháy bùng bùng trong đôi mắt, trong đầu, hãy để cho nó đốt cháy tất cả, và đốt cháy... (chậm lại và hờn hèn) luôn cả lòng ta.. (buông hai cánh tay Quỳnh-Như ra, rã rời bỏ quy xuống, ho sặc sụa vì khói của giàn hỏa bay vào)

QUỲNH-NHƯ (quay lui, thấy Trường-Sơn sắp ngã, cúi xuống đỡ dậy, hốt hoảng kêu) : — Thái-Tử, Thái-Tử sao thế ! Thái-tử hãy vào đây nghỉ cho khỏe (dìu Thái-Tử vào nằm trên một cái ghế đệm dài ở gần cuối phòng, lấy gối kê dưới đầu Thái-tử, đi rót một chén nước, đến gần bên Thái-tử, cúi xuống đổ nước cho Thái-tử, về âu-yếm...)

(Trong lúc ấy có tiếng dép bước lên thềm phía ngoài lan can, Quỳnh-Như quay lui hồi hộp chờ xem... thấy bóng người sắp đi vào, nàng vội buông tấm màn treo trước ghế đệm chỗ Trường-Sơn nằm, đi ra...)

LỚP II

(Người lính đi vào)

NGƯỜI LÍNH (đứng ở lan can, chào Quỳnh-Như) : — Kính chào Công-Nương

QUỲNH-NHƯ (vừa đi vừa nói) : — Người cứ vào đây. Có việc gì thế ?

NGƯỜI LÍNH : — Thưa Công-nương, nhà có người lạ vào không ?

QUỲNH-NHƯ (ấp úng) : — Không ! chuyện gì thế ?

NGƯỜI LÍNH : — Thưa Công-Nương, có một bọn xúi dân làm loạn trong lễ xử thiêu Thường-Lạc. Chúng đã bị bắt nhưng còn vài đứa thoát thân được. Quan Đê-Đốc truyền lệnh phải canh phòng cẩn mật, không cho người lạ mặt vào lần trốn ở các tư-gia.

QUỲNH-NHƯ : — Thế à ? Ở đây không có ai lạ cả. Khi nào có người lạ đến, tôi sẽ báo cho quan Đê-đốc biết ngay.

NGƯỜI LÍNH (có vẻ đắn đo trước khi nói) : Thưa — Công-Nương, Công-Nương bỏ lỗi cho... Người ta vừa báo cho hay hình như có một ông già mới vào đây...

QUỲNH-NHƯ (làm ra vẻ nhớ lại) : — Một ông già ? à có ! Ông



vào hỏi thăm thân-phụ tôi, nhưng không gặp, nên lại ra ngay... Ông ta đi ngã này (*chỉ phía bên trái*)

NGƯỜI LÍNH : — Thế à ? (*vẫn đứng, có vẻ muốn nói gì nữa*)

QUỲNH NHƯ (*mỉm cười, cố làm ra vẻ tự nhiên*) : — Hay nếu người không tin thì cứ vào soát xem cho chắc...

NGƯỜI LÍNH (*thối thác*) : — Không ! không ! Công-Nương thứ lỗi cho. Ai lại vào soát nhà một quan Đại-Thần bao giờ. Tôi hỏi như thế là sợ có bọn gian phi vào lẩn trốn mà Công-nương không hay. Thôi xin kính chào Công-Nương (*sắp đi ra*)

QUỲNH-NHƯ (*Làm bộ vồn vã*) : — Người hãy ở lại uống chén nước đã. Trời nóng nực quá, thêm giàn hỏa gần một bên cạnh.

NGƯỜI LÍNH : — Xin cảm ơn Công-Nương. Phận sự còn nhiều lắm. Công-nương cho phép một lần khác. (*cúi chào ra đi*)

LỚP III

(*Quỳnh-Như thở ra một hơi dài như trút bớt gánh nặng, đứng nhìn theo người lính, rồi quay vào. Thái-tử Trường-Sơn ở trong cũng vừa vén màn đi ra.*)

QUỲNH-NHƯ : — Thái-tử hãy cẩn thận. Bọn quan quân đang đi lùng xét gắt lắm. Và có người đã bị bắt.

TRƯỜNG-SƠN : — Vâng, ta đã nghe qua cả rồi.

QUỲNH-NHƯ : — Thái-tử có dính dáng gì với những người vừa bị bắt ấy không ?

TRƯỜNG-SƠN : — Không ! đấy có lẽ là những người tự động, do sự phần nộ trước cách hành hình dã man của thằng Đại-lực gây nên. Nó càng làm ác thì đại cuộc lại càng chóng thành công.

QUỲNH-NHƯ (*Nghe tiếng động, nhìn ra phía lan can*) : — Kìa, phụ-thân em đã về. Em phải lánh ra đằng sau để khỏi bị phụ-thân em quở trách (*đi vào phòng sau*)

LỚP IV

HUYỀN-VI Đại-thần (*đi vào, vẻ mặt nhọc, buồn bã. Nhìn thấy Trường-Sơn*) : — Kìa Thái-tử ! (*chạy đến ôm Thái-tử vào lòng. Trường-Sơn cũng choàng tay qua vai Huyền-Vi. Huyền-Vi sụt sùi khóc, và nói giọng đầy nước mắt*) : — Lão đã cố cản ngăn Đại-lực-Vương, cố kéo dài thời-gian trước khi xử thiêu Cựu-Vương để tìm cách đánh thoát mà không được. Thằng Đại-Lực nó truyền xử ngay, để không ai có thể

trở tay kịp. Lão thật là có tội với Tiên-vương, có tội với Thái-tử, Lão đã nhẫn nhục làm một tên phản thần để mong xoay lại nghiệp lớn thế mà nghiệp lớn chưa thành, Tiên-vương lại còn bị hành quyết một cách quá đốn đau. Càng cảm phục cái đức độ cao dày của Tiên-vương, Lão lại càng thẹn thùng cho tài hèn đức mỏng của lão. Nếu biết có sự ra nông-nổi thế này thì thà trước kia lão đi theo Tiên-vương cho trọn đạo quân-thần, cho tròn danh tiết, chứ ở lại Triều-đình làm gì cho mang tiếng phản thần mà vẫn không vun tròn nghĩa cả.

TRƯỜNG-SƠN (*Gỡ tay Huyền-vi ra an ủi*): — Đại-thần đừng quá nhu mì tự trách như thế. Thật ra, Đại-thần đã hy-sinh rất lớn cho cơ nghiệp nhà ta, và từ nay, Đại-thần lại là rất cần-thiết trong việc lật đổ ngai vàng của thằng Đại-lực, một cột trụ chính cho ta nương tựa để phục thù.

HUYỀN-VI: — Không, cột trụ chính không phải là lão, mà vẫn còn là ở Tiên-vương.

TRƯỜNG-SƠN (*nhìn Huyền-vi vẻ suy nghĩ*): Đại-thần muốn nói gì tôi không hiểu.

HUYỀN-VI: — Tôi muốn nói, mặc dù Tiên-vương không còn nữa, nhưng tinh-thần của Ngài, ảnh-hưởng của Ngài mỗi ngày mỗi lan rộng trong nhân gian và chính nhờ đó mà cơ-nghiệp lớn chóng phục hồi. Nhất là hồi này, trong lúc bị xử thiêu, vẻ mặt thần nhiên, bình tĩnh và những lời nói chứa đầy đức độ, khoan dung của Ngài đã chinh phục được tất cả lòng người chứng kiến. Thái-tử có biết Tiên-vương đã căn dặn gì không?

TRƯỜNG-SƠN: — Cha tôi đã dạy bảo gì thế?

HUYỀN-VI: — Hãy tưới tình thương xuống hận thù! đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời chư Phật hỷ-xả từ-bi.

TRƯỜNG-SƠN: — Những lời ấy thì tôi đã nghe nhiều lắm rồi. Nhưng dân-chúng đã có những phản-ứng như thế nào, trước cảnh hỏa thiêu ấy?

HUYỀN-VI: — Có những bà mẹ đã khóc than nước nở, có người đã yêu cầu tha giết Tiên-vương, có những thanh-niên hăng hái, cuồng nhiệt hơn, đã xông tới định phá giàn hỏa để cứu Tiên-vương... Thằng Đại-lực đã thất bại lớn: trong lúc nó tưởng đã tiêu-diệt được kẻ thù cuối cùng là Tiên-vương, thì chính nó đã gây thêm không biết bao nhiêu kẻ thù khác; trong lúc nó tưởng đã xóa bỏ cái ảnh-hiện tinh-thần của Tiên-vương thì chính nó lại trang trải cái ảnh-hưởng ấy rộng xa trong dân-chúng.



Nó đã nắm đuốc châm vào giàn hỏa và cùng một lúc, nó đã châm luôn vào ngai vàng mà nó vừa cướp giật được...

TRƯỜNG-SƠN : Thế thì chúng ta phải hành động gấp, thôi thêm gió vào cho ngai vàng của nó chóng tiêu tan.

HUYỀN-VI (*vẻ suy nghĩ*) : — Điều làm cho lão phân vân nhất là chúng ta sẽ thổi bằng ngọn gió gì ? Gió từ-bi hay gió thù hận ? Ngọn gió từ-bi mà Tiên-vương đã phát ra đã có kết quả lớn. Chúng ta có thể tiếp tục được nữa chăng ? Và tiếp tục như thế nào ?

TRƯỜNG-SƠN (*Cương-quyết*) : — Từ-bi cũng phải có giới hạn. Đến một mức độ nào đó, nó sẽ mất hết cả hiệu lực và trở thành buồn cười. Đối với thằng Đại-lực, chỉ có một cách là tiêu-diệt nó.

HUYỀN-VI : — Tiêu-diệt nó thì không khó khăn gì cả. Nhưng làm sao để khỏi liên lụy đến thần dân, khỏi gây can qua cho trăm họ như thánh ý của Tiên-vương. Nếu ta làm trái lại, thì không những chúng ta sẽ gây họa lớn cho lương dân, mà còn làm cho sự hy-sinh cao quý của Tiên-vương trở thành vô nghĩa.

TRƯỜNG-SƠN : — Vậy Đại-thần có diệu kế gì để trừ diệt nó không ?

HUYỀN-VI (*dáng suy nghĩ đi đi, lại lại*) : — Thái-tử để cho lão có thì giờ suy nghĩ đã. Trong lúc ấy, Thái-tử hãy cải dạng ở lại đây, giả làm cháu của lão để được an toàn... Thôi, Thái-tử hãy vào sau an nghỉ. (*xáy ra sau, gọi*) : — Quỳnh-Như ơi, ra đây cha bảo.

QUỲNH-NHƯ (*trong phòng đi ra*) : — Thưa cha gọi con ?

HUYỀN-VI : — Con hãy dọn cho Thái-tử một căn phòng để Thái-tử nghỉ. Từ nay Thái-tử sẽ là anh họ của con, nghe chưa ?

QUỲNH-NHƯ : Thưa cha vâng ạ ! (*quay lại phía Thái-tử*) : — Xin mời Thái-tử vào phòng sau an-nghỉ.

HUYỀN-VI (*nhìn ra phía lan can giục*) : — Xin mời Thái-tử vào gấp cho. Hình như có người đến.

(*Hai người vào khuất trong lúc Huyền-Vi sửa áo đi ra phía cửa*)

LỚP V

(*Một quan hầu đến*)

QUAN HẦU (*vái chào Huyền-Vi*) : — Kính chào Đại-Thần.

HUYỀN-VI : — Người ở Triều đến ? Có việc gì đấy ?

QUAN HẦU : — Bẩm Đại-thần, Hoàng-thượng truyền mời Đại-thần vào chầu gấp có việc cần.

HUYỀN-VI : — Thế à ? Người hãy vào trước đi. Ta sửa áo đi ngay.

QUAN HẦU (*cúi chào*) : Kính chào Đại-thần (*lui ra*)

HUYỀN-VI : — Người đi ! (*xây lui gọi Quỳnh-Như*) : — Quỳnh-Như con ơi !

QUỲNH-NHƯ (*ở trong phòng ra*) : — Thưa cha gọi con ?

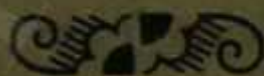
HUYỀN-VI : — Con coi nhà, hầu hạ và gìn giữ Thái-tử cho chu đáo nhé ! Nếu Thái-tử gặp rủi ro gì... thì mọi sự đều hỏng cả. Cha được lệnh vào cung gấp.

QUỲNH-NHƯ (*nhìn cha có vẻ lo ngại*) : — Có việc gì thế ? Con lo quá. Con nghe có mấy người vừa bị bắt.. Cha cũng cần phải phòng bị... Nếu Cơ mưu bại lộ...

HUYỀN-VI (*trấn tĩnh con*) : Không cần gì. Cha được tân-vương tin cậy lắm. Thôi cha đi kéo trẻ. (*đi ra*)

QUỲNH-NHƯ : — Thưa cha đi ! (*lo lắng đứng nhìn theo...*)

MÀN TỪ TỪ HẠ ...



THU VIỆN HUẾ QUANG



Nghị-định số 2009/P3 ngày 1-8-1956.

Tòa-Soạn và Quản-Lý :

CHÙA ẮN-QUANG

635, đường Vạn-Hạnh Thiền-Sư

— CHỢ-LỚN —

GIÁ BÁO :

Mỗi số	10\$00
Sáu tháng	55\$00
Một năm	110\$00

*Phiếu mua báo, xin đề tên
đạo-hữu Nguyễn-vấn-Nhã*

